

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC  
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-DNT ngày 23 tháng 12 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình : **LUẬT KINH TẾ**  
Trình độ đào tạo : **ĐẠI HỌC**  
Ngành đào tạo : **LUẬT KINH TẾ**  
Mã ngành : **7380107**  
Loại hình đào tạo : **CHÍNH QUY**

# I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tiếp đến sẽ là AEC và CPTPP, qua đó sẽ mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các doanh nghiệp. Đây chính là “mảnh đất màu mỡ” cho những ai đam mê theo đuổi nhóm ngành Luật, đặc biệt là Luật kinh tế nhằm phục vụ cũng như tham gia vào bộ máy hoạt động của doanh nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu này, nguồn nhân lực chất lượng cao **ngành Luật Kinh tế** sẽ luôn là đối tượng “săn đón” của các nhà tuyển dụng.

Luật kinh tế là một bộ phận của pháp luật về kinh tế, là hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình tổ chức và quản lý kinh tế của nhà nước và trong quá trình sản xuất kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau. Luật kinh tế ra đời nhằm duy trì và giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại cũng như đảm bảo quy trình hoạt động của các doanh nghiệp trong quá trình trao đổi, giao thương cả trong nước và quốc tế.

Ngành Luật kinh tế được đào tạo ở nhiều trường như Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật Tp.HCM, Viện Đại học Mở Hà Nội, Đại học Kinh tế Tp.HCM, trong đó có thể kể đến Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM (HUFLIT). Học tại HUFLIT, các bạn sẽ được học tập, sinh hoạt trong điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất, lớp học giới hạn sĩ số, tương tác hiệu quả với các giảng viên giàu kinh nghiệm trong hành nghề luật, đặc biệt là luật kinh tế, thương mại.

Bên cạnh chương trình học được cập nhật thường xuyên theo tiêu chuẩn các đại học hàng đầu thế giới, sinh viên ngành Luật kinh tế còn được lĩnh hội đầy đủ khối kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh tế, kỹ năng tranh tụng tại các tòa án, trọng tài thương mại quốc tế, khả năng sử dụng ngôn ngữ chuyên môn, kỹ năng đàm phán, tư duy logic, ... nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình thực hành nghề nghiệp khi ra trường. Đặc biệt, ngay từ năm thứ hai, sinh viên ngành Luật kinh tế của HUFLIT đã có thể trực tiếp tham gia học việc, trải nghiệm thực tiễn tại các công ty Luật, Bộ phận tư vấn Luật trực thuộc các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Song song đó, sinh viên Luật kinh tế còn được trang bị tốt ngoại ngữ, đặc biệt là sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên về pháp lý để có thể trở thành các

luật gia, trọng tài viên, các nhà hòa giải chuyên nghiệp trong môi trường thương mại toàn cầu.

Theo nhận định của các chuyên gia, TP. HCM là địa bàn sôi động nhất của nghề luật. Đây chính là cánh cửa rộng mở để sinh viên Luật kinh tế đi đến những vị trí công việc hấp dẫn trong tương lai.

## I.2. Thông tin chung

STT	Mục thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình	Luật Kinh tế
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	TNĐH/Cử nhân
4	Mã ngành	7380107
5	Loại hình đào tạo	Chính quy
6	Thời gian đào tạo	4 năm
7	Số tín chỉ	141 tín chỉ (không tính Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)
8	Đơn vị quản lý	Khoa Luật
9	Website	Huflit.edu.vn
10	Điện thoại	(028) 38632052 (120)
11	Ngày ban hành	

## I.3. Sứ mạng - Tâm nhìn của trường

- **Sứ mạng**

HUFLIT đào tạo những người ham học hỏi trở thành các công dân đáp ứng được những đòi hỏi không ngừng của thị trường lao động, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức phát triển bản thân, có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

- **Tầm nhìn**

HUFLIT phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học top đầu trong nước về đào tạo ngành nghề sử dụng ngoại ngữ và tin học làm công cụ chiến lược để nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

#### **I.4. Sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Khoa/BM**

- **Sứ mạng**

Đào tạo ra những cử nhân Luật Kinh tế có kiến thức và kỹ năng hành nghề tư vấn, phát triển và quản lý doanh nghiệp, đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng, thực hiện chức năng của chuyên gia pháp lý tại các doanh nghiệp, có thể độc lập đưa ra đề xuất giải quyết tình huống pháp lý trong kinh doanh, nắm vững các thao tác nghiệp vụ khi doanh nghiệp tham gia vào các vụ tố tụng phát sinh từ hoạt động kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật Kinh tế tốt nghiệp tại Khoa Luật có thể công tác tại khu vực doanh nghiệp, công tác tại hệ thống Tòa án nhân dân, các Trung tâm trọng tài thương mại và các đơn vị cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý. Sinh viên cũng có thể theo học các khóa đào tạo nghề luật sư và hành nghề luật. Bên cạnh kiến thức và kỹ năng hành nghề luật, Khoa Luật cũng chú trọng đào tạo đạo đức và thái độ của các cử nhân luật tương lai đối với xã hội và cộng đồng.

- **Tầm nhìn**

Hướng tới xây dựng một ban giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giỏi chuyên môn, thạo ngoại ngữ, có thái độ đóng góp cho cộng đồng và thúc đẩy học kết hợp với hành. Để thực hiện nhiệm vụ, Khoa Luật hợp tác chặt chẽ với các khoa và viện đào tạo của Huflit cũng như với các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy luật khác trong khu vực phía Nam và toàn quốc. Nghiên cứu giỏi, hành nghề giỏi sẽ giúp giảng dạy giỏi, từ hệ cử nhân, Khoa Luật sẽ từng bước phát triển đào tạo các bậc sau đại học trong chuyên ngành Luật kinh tế.

Khoa Luật phát triển theo định hướng kết hợp nghiên cứu với thực hành, phấn đấu đến năm 2030 trở thành: đơn vị đào tạo luật có uy tín của quốc gia, đào tạo các chuyên gia pháp lý có đủ năng lực và tố chất để làm việc trong môi trường hiện đại.

- **Triết lý giáo dục**

Chú trọng phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng

## **I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)**

### **I.5.1. Mục tiêu chung**

Chương trình ngành luật kinh tế đào tạo bậc cử nhân đại học có kiến thức nền tảng về ngành luật nói chung, đồng thời có kiến thức chuyên ngành về pháp luật trong lĩnh vực thương mại; có khả năng ứng dụng những quy định của pháp luật thương mại trong thực tiễn và có kiến thức ngoại ngữ (tiếng Anh) để có thể làm việc trong môi trường thường xuyên sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tự hành nghề liên quan đến pháp luật hoặc làm quản lý hoạt động kinh doanh ở các cơ quan quản lý nhà nước.

### **I.5.2. Mục tiêu cụ thể**

- **Kiến thức**

**PO1:** Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.

**PO2:** Có các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, kinh tế và khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.

- **Kỹ năng**

**PO3:** Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực luật kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**PO4:** Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành luật kinh tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

**PO5:** Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

Đồng thời, CTĐT Luật Kinh tế cũng xác định rõ các năng lực cần đạt được của SV, đó là:

- GA1: Năng lực phân tích và giải quyết vấn đề pháp lý.
- GA2: Năng lực tư vấn và tranh tụng
- GA3: Kỹ năng tư duy và phản biện
- GA4: Khả năng học tập suốt đời

## **I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế bao gồm 12 chuẩn đầu ra. Một cách tổng quát, sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế sẽ thể hiện được các năng lực mô tả trong các chuẩn đầu ra sau đây:

- **Kiến thức**

**PLO1:** Có các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc và cuộc sống.

**PLO2:** Có các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, kinh tế và khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.

**PLO3:** Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành phù hợp với ngành luật kinh tế.

**PLO4:** Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.

**PLO5:** Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.

**PLO6:** Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực hỗ trợ cho ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.

- **Kỹ năng**

**PLO7:** Có kỹ năng nhận thức và giải quyết vấn đề chuyên môn phức tạp trong lĩnh vực pháp luật.

**PLO8:** Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật nói chung và lĩnh vực pháp luật kinh doanh, thương mại nói riêng và lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

**PLO9:** Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong hoạt động tư vấn, thương lượng, hòa giải, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng.

**PLO10:** Có kỹ năng giao tiếp nói và viết, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**PLO11:** Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, có năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi, phát triển bản thân.

**PLO12:** Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT như bảng 1.3 dưới đây; theo đó, người học có thể đạt được mục tiêu chương trình đào tạo nếu đáp ứng các chuẩn đầu ra CTĐT.

Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT như bảng 1.3 dưới đây; theo đó, người học có thể đạt được mục tiêu chương trình đào tạo nếu đáp ứng các chuẩn đầu ra CTĐT.

*Bảng 1.3. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT*

MỤC TIÊU	CHUẨN ĐẦU RA											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PO1	X	X										
PO2			X	X	X	X						
PO3							X	X	X	X		
PO4											X	
PO5												X

*Bảng 1.4. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT chi tiết*

Chuẩn đầu ra	Mô tả
Kiến thức	

<b>PO1: Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.</b>	
<b>PLO1: Có các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc và cuộc sống.</b>	
PLO1.1	Giải thích được ở mức độ cơ bản mối quan hệ ràng buộc giữa môi trường tự nhiên với các vấn đề về xã hội và con người.
PLO1.2	Vận dụng một số kiến thức cơ bản về kinh tế học, quản trị học mô tả để giải quyết vấn đề phát sinh trong công việc và cuộc sống cá nhân.
<b>PLO2: Có các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, kinh tế và khoa học xã hội, nhân văn cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.</b>	
PLO2.1	Vận dụng được những quan điểm khoa học về tính cách mạng, tính nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng để giải quyết các vấn đề cơ bản trong thực tiễn.
PLO2.2	Giải thích được một số vấn đề cơ bản về xã hội và con người phục vụ cho công việc và cuộc sống cá nhân.
PLO2.3	Giải thích được bản chất, vai trò của pháp luật để hiểu biết và có ý thức tuân thủ luật pháp trong công việc và cuộc sống.
<b>PO2: Cung cấp kiến thức lý thuyết nền tảng và thực tiễn thuộc các lĩnh vực pháp luật và luật kinh tế để giải quyết các vấn đề chuyên môn.</b>	
<b>PLO3: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành phù hợp với ngành luật kinh tế.</b>	
PLO3.1	Giải thích được các vấn đề về thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; quyền con người, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam trong thực tiễn đời sống xã hội.
PLO3.2	Giải thích được cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam, các mối quan hệ cơ bản giữa nhà nước với công dân.
PLO3.3	Áp dụng kiến thức pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính để giải quyết các vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý nhà nước và giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính.



PLO3.4	Áp dụng kiến thức pháp luật hình sự và tố tụng hình sự để xác định các hành vi có dấu hiệu tội phạm và giải quyết các vụ án hình sự.
PLO3.5	Áp dụng kiến thức pháp luật dân sự và tố tụng dân sự để giải quyết các tình huống thực tế trong các giao dịch dân sự, quan hệ về tài sản, quyền sở hữu, thừa kế, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và các vụ, việc dân sự.
<b>PLO4: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.</b>	
PLO4.1	Áp dụng pháp luật kinh doanh vào việc thực hiện thủ tục thành lập, giải thể, tổ chức lại, quản lý các loại hình doanh nghiệp và chủ thể kinh doanh khác.
PLO4.2	Áp dụng kiến thức pháp luật kinh doanh, thương mại để giải quyết các tình huống pháp lý trong hoạt động thương mại trong và ngoài nước: thương mại hàng hóa và dịch vụ, đầu tư, tín dụng ngân hàng, cạnh tranh, xuất nhập khẩu.
PLO4.3	Áp dụng kiến thức pháp luật tố tụng dân sự và trọng tài thương mại để giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại.
PLO4.4	Áp dụng pháp luật phá sản để giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên có liên quan.
PLO4.5	Áp dụng kiến thức pháp luật về đất đai để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai, quyền và nghĩa vụ của người được giao quyền quản lý, sử dụng đất.
PLO4.6	Áp dụng kiến thức pháp luật dân sự, giao dịch bảo đảm, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự để giải quyết các tình huống thực tế trong các quan hệ về giao dịch bảo đảm, quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái, thi hành án dân sự.
PLO4.7	Áp dụng kiến thức pháp luật quốc tế để giải quyết được các vấn đề cơ bản về các chủ thể quan hệ quốc tế, quan hệ ngoại giao, các chế định quốc tế, những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia về vấn đề lãnh thổ, biên giới, dân cư, ngoại giao, lãnh sự, hàng không và biển.
PLO4.8	Áp dụng kiến thức về xung đột pháp luật vào thực tiễn giải quyết những vụ việc dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài.

<b>PLO5: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.</b>	
PLO5.1	Áp dụng kiến thức pháp luật về lao động để giải quyết tình huống liên quan đến quan hệ lao động, quyền và nghĩa vụ giữa người sử dụng lao động và người lao động, đề xuất phương thức để giải quyết mâu thuẫn giữa các bên.
PLO5.2	Áp dụng kiến thức pháp luật về thuế, hải quan vào thực tiễn thực thi chính sách về thuế, hải quan đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.
PLO5.3	Áp dụng kiến thức pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp để thực thi các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thực tiễn.
PLO5.4	Áp dụng kiến thức pháp luật trong những lĩnh vực chuyên sâu hẹp khác: luật thương mại quốc tế, đầu tư, tín dụng ngân hàng, cạnh tranh, môi trường, thị trường chứng khoán, giao dịch bảo đảm, kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh bất động sản... để giải quyết các tình huống trong thực tiễn.
<b>PLO6: Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực hỗ trợ cho ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.</b>	
PLO6.1	Áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, quản trị và các lĩnh vực khác (xây dựng, công nghệ, xã hội, giao tiếp, kỹ năng) theo sự lựa chọn của người học để hỗ trợ cho việc giải quyết các vấn đề chuyên môn.
PLO6.2	Vận dụng kiến thức về các đặc trưng của các hệ thống pháp luật trên thế giới, quy trình lập và sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho kiến thức chuyên môn.
<b>Kỹ năng</b>	
<b>PO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực luật kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.</b>	
<b>PLO7: Có kỹ năng nhận thức và giải quyết vấn đề chuyên môn phức tạp trong lĩnh vực pháp luật.</b>	
PLO7.1	Có kỹ năng tư duy hệ thống và phản biện.
PLO7.2	Có kỹ năng nhận dạng và giải quyết vấn đề.

PLO7.3	Có kỹ năng áp dụng các nguyên tắc và quy định của các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam để phân tích những vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
PLO7.4	Có kỹ năng thực hiện các phương pháp nghiên cứu cụ thể: so sánh, nhận xét, đánh giá, tổng hợp những quy định, chính sách pháp luật.
<b>PLO8: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật nói chung và lĩnh vực pháp luật kinh doanh, thương mại nói riêng và lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế</b>	
PLO8.1	Cập nhật các thông tin, quy định pháp luật để giúp cho hoạt động của đơn vị công tác tuân thủ đúng pháp luật, phòng tránh các rủi ro pháp lý.
PLO8.2	Chuẩn bị được các loại hồ sơ, văn bản pháp lý (hồ sơ đăng ký kinh doanh, điều lệ công ty, thủ tục đầu tư, mua bán, tổ chức lại doanh nghiệp, hồ sơ giải quyết tranh chấp, thu thập chứng cứ, củng cố bằng chứng cho lập luận trong quá trình làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân).
PLO8.3	Soạn thảo được các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của đơn vị công tác (các loại giao dịch, hợp đồng, văn bản quy định nội bộ, văn bản hành chính) một cách logic, chặt chẽ, ngắn gọn.
PLO8.4	Thực hiện được việc phân tích tình huống pháp lý trong thực tiễn và xác định nguồn luật áp dụng để giải quyết tình huống.
PLO8.5	Tự đọc, tự nghiên cứu, phân tích quy định pháp luật để áp dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn.
PLO8.6	Có tư duy pháp lý, hình thành kỹ năng phản biện, tranh luận.
PLO8.7	Thực hiện được các thủ tục pháp lý về thành lập doanh nghiệp, đăng ký dự án đầu tư, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp.
PLO8.8	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về hợp đồng để soạn thảo, đàm phán, tư vấn, theo dõi việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, đề xuất phương thức giải quyết tranh chấp về hợp đồng.
PLO8.9	Làm được đề xuất giải pháp giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại.

PLO8.10	Thực hiện được việc lựa chọn áp dụng những quy định pháp luật phù hợp trong các giao dịch dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài; lựa chọn, xác định cơ quan tài phán để giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài; xác định được những trường hợp có thể công nhận bản án của tòa án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài.
PLO8.11	Thực hiện được tư vấn đàm phán, soạn thảo, giao kết, thực hiện hợp đồng, đề xuất phương án giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế.
PLO8.12	Áp dụng được nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế và thông lệ quốc tế để giải quyết những vấn đề thực tiễn ở đơn vị công tác.
<b>PLO9: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong hoạt động tư vấn, thương lượng, hòa giải, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.</b>	
PLO9.1	Thực hiện được phân tích vụ việc thực tiễn pháp lý và xác định nguồn luật áp dụng cho các vụ việc pháp lý của doanh nghiệp.
PLO9.2	Làm được đề xuất để giải quyết các vụ, việc pháp lý trong thực tiễn như: soạn thảo và đề xuất ý kiến trong bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân, bản tự bào chữa.
PLO9.3	Thực hiện được tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp: đánh giá hồ sơ vụ việc pháp lý, kỹ năng thực hành lập luận và tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
<b>PLO10: Có kỹ năng giao tiếp nói và viết, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập.</b>	
PLO10.1	Có kỹ năng giao tiếp nói và viết, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả.
PLO10.2	Có kỹ năng tiếng Anh ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến luật kinh tế; có thể sử dụng tiếng Anh để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.
PLO10.3	Sử dụng được máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet ở mức độ cơ bản.

PLO10.4	Có kỹ năng giao tiếp và làm việc với cơ quan nhà nước, với các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>PO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành luật kinh tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.</b>	
<b>PLO11: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, có năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi, phát triển bản thân</b>	
PLO11.1	Tham gia tích cực vào việc trao đổi, ra quyết định trong nhóm.
PLO11.2	Hoàn thành công việc hiệu quả và đúng thời gian, phối hợp tốt.
PLO11.3	Ứng dụng kỹ năng ứng xử và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.
PLO11.1	Có khả năng quản lý công việc bản thân và công việc người khác.
PLO11.2	Có khả năng tự đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.
PLO11.3	Có khả năng học hỏi và phát triển bản thân.
<b>PO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.</b>	
<b>PLO12: Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.</b>	
PLO12.1	Nhận thức được tầm quan trọng và có khả năng thực hiện trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng và đất nước.
PLO12.2	Nhận thức được tầm quan trọng và có khả năng thực hiện đạo đức nghề nghiệp.
PLO12.3	Có tinh thần thượng tôn pháp luật, có thái độ ủng hộ và bảo vệ sự công bằng, lẽ phải trong đời sống và công việc hằng ngày.

### **I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, người học có cơ hội làm việc như sau:

- *Doanh nghiệp*

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể làm việc ở các doanh nghiệp với tư cách là chuyên viên pháp lý phụ trách những công việc liên quan đến đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh.

*- Cơ quan nhà nước*

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế với kiến thức luật học và kinh tế học, có thể phụ trách các công việc liên quan đến pháp luật và kinh tế trong các cơ quan nhà nước (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), trong các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.

*- Thẩm phán ở các tòa án:* sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tham gia thi tuyển công chức vào các tòa án để đảm nhiệm vị trí thư ký tòa án. Sau một thời tích lũy kinh nghiệm xét xử sẽ được đề cử bổ nhiệm làm thẩm phán. Người được bổ nhiệm thẩm phán sẽ được nhân danh nhà nước tiến hành xét xử các vụ tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, xét xử các tội phạm và quyết định các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tư pháp.

*- Các trung tâm tư vấn*

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế còn có thể làm việc tại các trung tâm tư vấn trong lĩnh vực kinh tế và pháp luật.

*- Tự hành nghề*

+ Luật sư: sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học thêm một khóa nghiệp vụ luật sư và trải qua thời gian tập sự theo quy định pháp luật, sau đó có thể tự mình tư vấn, đại diện, bào chữa cho người dân, các doanh nghiệp tại các phiên tòa hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước.

+ Thành lập các công ty luật hoặc mở văn phòng luật sư: sau khi tích lũy một số kinh nghiệm thực tiễn, người tốt nghiệp cử nhân luật kinh tế có thể liên kết với bạn bè, đồng nghiệp mở các công ty luật, các văn phòng luật sư để thực hiện các hoạt động pháp lý cho các doanh nghiệp.

+ Công chứng viên: sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học thêm một khóa nghiệp vụ công chứng viên và trải qua thời gian tập sự 12 tháng, sau đó đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm công chứng viên. Người trở thành công chứng viên có thể mở văn phòng

công chứng hoặc hợp tác mở văn phòng công chứng để thực hiện các dịch vụ pháp lý theo quy định pháp luật.

## **I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

### **I.8.1. Tiêu chí tuyển sinh**

- **PHƯƠNG THỨC 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia**

+ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Tham gia kỳ thi THPT có điểm 3 môn xét tuyển đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào của của trường.

- **PHƯƠNG THỨC 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 THPT**

Tổng điểm 03 môn tham gia xét tuyển (không nhân hệ số) đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào của của trường.

- **Tổ hợp xét tuyển**

TT	Mã Ngành	Tên ngành	Chuyên ngành	Tổ hợp xét tuyển (cho cả 2 phương thức)		Ghi chú
				Mã tổ hợp	Tổ hợp	
1	7380107	Luật kinh tế	- Luật Tài chính – Ngân hàng - Luật Thương mại quốc tế - Luật Kinh doanh	D01 D66 A01 D15	Văn, Toán, Tiếng Anh; Văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh; Toán, Lý, Tiếng Anh; Văn, Địa, Tiếng Anh	

- **Hình thức nhận hồ sơ**

Thí sinh có thể chọn 01 trong 02 hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường (khuyến khích thí sinh nộp theo phương thức này).

- Nộp qua đường bưu điện. Khi nộp thí sinh ghi rõ nơi nhận:

Phòng Đào tạo, Trường đại học Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh

155 Sư Vạn Hạnh (nội dài), phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 629 232 (số nội bộ: 108, 109). Hotline: 0903 076 072

- **Hồ sơ xét tuyển gồm có**

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu nhận trực tiếp tại trường
- Bản sao học bạ cấp 3 có công chứng;
- Các giấy tờ xác nhận ưu tiên (nếu có)
- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT những năm trước, thí sinh cần nộp thêm bản sao bằng tốt nghiệp (có công chứng).

Mọi thắc mắc liên quan công tác nộp hồ sơ xét tuyển hoặc cần tư vấn thêm về ngành đào tạo xét tuyển, vui lòng liên hệ:

Phòng Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh

155 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 13, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 629 232 (số nội bộ 108, 109).

Hotline: 0903 076 072.

Email: tuyensinh@huflit.edu.vn.

### **I.8.2. Quá trình đào tạo**

Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quy chế đào tạo do nhà trường xây dựng, căn cứ theo Quy chế 43/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

Chương trình đào tạo thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 kỳ thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp

### **I.8.3. Điều kiện tốt nghiệp**

- *Trình độ ngoại ngữ*

Sinh viên tốt nghiệp hệ cử nhân đại học ngành Luật kinh tế đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu 520 điểm của chứng chỉ TOEIC hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- *Trình độ tin học*

Sinh viên tốt nghiệp đạt trình độ chứng chỉ tin học MOS (Word, Excel)

- *Điều kiện tốt nghiệp*

Sinh viên tốt nghiệp khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Hoàn thành 141 tín chỉ thuộc chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế
- Hoàn thành chứng chỉ GDTC và GDQP



- Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ (TOEIC 500) và tin học MOS (Word, Excel)

## **I.9. Chiến lược giảng dạy – học tập**

Tập trung phát triển mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai quá trình dạy và học. Các chiến lược, phương pháp dạy học này giúp cho việc đạt mục tiêu dạy học hiệu quả.

Nhiều hoạt động dạy và học khác nhau được áp dụng nhằm giúp sinh viên không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác và phát triển năng lực, điểm mạnh của cá nhân. Từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

### **1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp**

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm:

**(1). Giải thích cụ thể (Explicit Teaching):** Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

**(2). Thuyết giảng (Lecture):** Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

**(3). Tham luận (Guest lecture):** Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết

của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

### **1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp**

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

**(4). Câu hỏi gợi mở (Inquiry):** Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

**(5). Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

**(6). Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

### **1.9.3. Học trải nghiệm**

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm:

(7). **Mô hình (Models)**: là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

(8). **Thực tập, thực tế (Field Trip)**: Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

(9). **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)**: Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

#### 1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm:

(10). **Tranh luận (Debates)**: là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

(11). **Thảo luận (Discussion)**: Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó

được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

**(12). Học nhóm (Peer Learning):** Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

### **1.9.5. Tự học**

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment)

**(13). Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

### **1.10. Phương pháp đánh giá**

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Luật thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa Luật đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng

môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa XDGD được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

#### ➤ **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm:

##### **(1). Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

##### **(2). Đánh giá bài tập (Work Assignment)**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm

##### **(3). Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)**

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của Khoa Luật, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

#### ➤ **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong

quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm:

#### **(4). Kiểm tra viết (Written Exam)**

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

#### **(5). Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)**

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

#### **(6). Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)**

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

#### **(7). Báo cáo (Written Report)**

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

#### **(8). Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)**

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

#### **(9). Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)**

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

### **I.11. Hệ thống tính điểm**

Trường HUFLIT sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
<b>Đạt</b>	Giỏi	8,5 – 10	A	4
	Khá	7,0 – 8,4	B	3
	Trung bình	5,5 – 6,9	C	2
	Trung bình yếu	4,0 – 5,4	D	1
<b>Không đạt</b>	Kém	< 4,0	F	0

## II. Mô tả chương trình đào tạo

### II. 1. Cấu trúc chương trình:

Chương trình giảng dạy gồm 6 khối kiến thức:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Bắt buộc	Tự chọn	Cộng	
I	Kiến thức đại cương	33	6	<b>39</b>	- Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: 165 tiết/môn (không tính vào trong tổng số tín chỉ toàn khóa học)
II	Kiến thức cơ sở khối ngành	5	4	<b>9</b>	

III	Kiến thức ngành Luật	38	4	<b>42</b>	
IV	Kiến thức chuyên ngành (3 chuyên ngành)	32	4	<b>36</b>	
V	Kiến thức bổ trợ	0	6	<b>06</b>	
VI	Thực tập/khóa luận/học phần thay thế	3	6	<b>09</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>111</b>	<b>30</b>	<b>141</b>	

- **Khối kiến thức đại cương** (39 tín chỉ) bao gồm các học phần lý luận chính trị, kiến thức khoa học xã hội – nhân văn, tự nhiên, ngoại ngữ thứ 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho ngành học.
- **Kiến thức cơ sở khối ngành** (09 tín chỉ) cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng của ngành học làm cơ sở cho sinh viên học tập các học phần chuyên ngành.
- **Kiến thức ngành** (42 tín chỉ) gồm các học phần bắt buộc (38 tín chỉ) và các học phần tự chọn (4 tín chỉ) cung cấp những kiến thức cho sinh viên hiểu và áp dụng được những quy định pháp luật trong các tình huống ở các lĩnh vực kinh doanh, thương mại và quản lý nhà nước về kinh doanh, thương mại
- **Kiến thức chuyên ngành** (36 tín chỉ) gồm kiến thức quy định pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành kinh tế như thị trường tiền tệ và ngân hàng, thị trường bất động sản. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để tham gia, tư vấn, bào chữa các tranh chấp trong kinh doanh. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để có thể tự hành nghề ở lĩnh vực liên quan đến pháp luật như luật sư, công chứng, tư vấn pháp luật.
- **Kiến thức bổ trợ** (06 tín chỉ) cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu nhằm trang bị cho sinh viên công cụ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ trong các lĩnh vực pháp lý
- **Thực tập/ khóa luận/ các học phần thay thế** (09 tín chỉ) Khối kiến thức này đào tạo cho sinh viên kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ vào thực tế.



Những khối kiến thức trong chương trình như trên được thiết kế sao cho đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, thể hiện trong bảng như sau:

*Bảng 2.2. Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs*

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)	PLOs											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Kiến thức đại cương	39	27,66	H	H	-	-	-	M	H	-	-	H	M	M
II	Kiến thức cơ sở khối ngành	09	6,38	-	H	H	H	H	-	H	M	M	M	M	H
III	Kiến thức ngành	42	29,79	-	H	H	H	H	-	H	M	M	M	M	H
IV	Kiến thức chuyên ngành	36	25,53	-	H	H	H	H	-	H	H	M	H	M	H
V	Kiến thức bổ trợ	06	4,26	-	-	-	-	-	H	H	M	M	-	-	H
VI	Thực tập/khóa luận/học phần thay thế	09	6,38	-	M	-	H	H	-	-	-	-	-	H	H
<b>Cộng</b>		<b>141</b>	<b>100%</b>	H	H	H	H	H	M	H	M	M	M	M	H

*Chú thích: H: cao, M: trung bình, L: thấp*

## II.2. Danh sách các học phần

### II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 39 TC

#### II.2.1.1. Lý luận chính trị (11 TC)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận, thực hành	Tổng số tiết
1	1010443	Triết học Mác – Lênin	3	45		45
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30		30
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		30
4	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		30

5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		30
<b>Tổng cộng:</b>			<b>11</b>	165		165

**II.2.1.2. Ngoại ngữ (Tiếng Anh): 12 Tín chỉ**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	HP Tiên quyết	Học phần trước
1	1010484	Tiếng Anh cơ bản 1	4		
2	1010494	Tiếng Anh cơ bản 2	4		Tiếng Anh cơ bản 1
3	1010504	Tiếng Anh cơ bản 3	4		Tiếng Anh cơ bản 2
<b>Tổng cộng:</b>			<b>12</b>		

**II.2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Ghi chú
1	1010042	Giáo dục thể chất 1	2	60	Không tính vào điểm tích lũy
2	1010182	Giáo dục thể chất 2	3	90	
3	1010034	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	165	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>7</b>		

**II.2.1.4. Kinh tế - xã hội (13 Tín chỉ):**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>7</b>	<b>105</b>				
1	1010522	Tài chính doanh nghiệp	2	30	BB	không	không	
2	1010513	Kinh tế học	3	45	BB	không	không	X

3	2310072	Logic học đại cương	2	30	BB	không	không	
<b>Học phần tự chọn (chọn 6/12 tín chỉ)</b>			<b>6</b>	<b>90</b>				
2	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	TC	không	không	
3	2310012	Lịch sử các học thuyết chính trị	2	30	TC	không	không	
4	1010112	Tâm lý học đại cương	2	30	TC	không	không	
5	1010012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	TC	không	không	
6	2310042	Lý thuyết tài chính – Tiền tệ	2	30	TC	không	không	
7	1010342	Quản trị học	2	30	TC	không	không	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>13</b>	<b>195</b>				

#### **II.2.1.5. Tin học (3 Tín chỉ):**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1010083	Tin học đại cương	3	90	BB	không	không	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>3</b>	<b>90</b>				

#### **II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (105 Tín chỉ)**

##### **II.2.2.1 Kiến thức cơ sở khối ngành Luật (9 Tín chỉ):**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>5</b>	<b>75</b>				
1	2310053	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	3	45	BB	không	không	
2	2312262	Nhập môn Luật học	2	30	BB	không	không	

<b>Học phần tự chọn</b>			<b>4</b>	<b>60</b>				
1	2310062	Quan hệ Kinh tế Quốc tế	2	30	TC	không	không	
2	2310272	Xã hội học pháp luật	2	30	TC	không	không	
3	1010532	Luật so sánh	2	30	TC	không	không	
<b>Tổng cộng</b>			<b>9</b>	<b>135</b>				

### II.2.2.2 Kiến thức ngành Luật (42 Tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>38</b>	<b>570</b>				
1	2310092	Những vấn đề chung về Luật Dân sự	2	30	BB	không	không	
2	2310112	Quyền sở hữu và thừa kế	2	30	BB	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Những vấn đề chung về Luật Dân sự	
3	2311013	Pháp luật về Hợp đồng	3	45	BB	-Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Không	

						-Những vấn đề chung về Luật Dân sự		
4	2310103	Luật Hiến pháp	3	45	BB	không	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	
5	2310143	Luật Hành chính	3	45	BB	-Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật. -Luật hiến pháp	không	
6	2311102	Luật Hình sự phần chung	2	30	BB	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	không	
7	2311113	Luật Hình sự phần tội phạm	3	45	BB	Luật hình sự phần chung	không	

8	2311123	Pháp luật về các loại hình thương nhân	3	45	BB	-Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Không	3
9		Pháp luật về hoạt động thương mại	3	45	BB	Pháp luật về các loại hình thương nhân	Không	4
10	2310242	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	30	BB	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật.	không	
11	2310133	Luật Lao động	3	45	BB	không	không	
12	2310153	Luật Tố tụng Dân sự	3	45	BB	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	-Những vấn đề chung về luật dân sự -Quyền sở hữu và thừa kế	

								-Luật hợp đồng
13	2310172	Luật Tố tụng Hình sự	2	30	BB	không	-Luật hình sự phân chung -Luật hình sự phân các tội phạm cụ thể	
14	2310202	Công pháp Quốc tế	2	30	BB	không	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	
15	2310212	Tư pháp Quốc tế	2	30	BB	không	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	
<b>Các học phần tự chọn (Học 4/6 tín chỉ)</b>			<b>4</b>	<b>60</b>				
1	2311142	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và	Những vấn đề chung	

						pháp luật	về luật dân sự	
2	2310542	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	30	TC	không	không	
3	2311062	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	30	TC	Không	-Pháp luật về các loại hình thương nhân -Những vấn đề chung về Luật Dân sự -Quyền sở hữu và thừa kế - Pháp luật hợp đồng	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>42</b>	<b>630</b>				

**II.2.2.2 Kiến thức ngành chuyên ngành (36 Tín chỉ):**

**II.2.2.2.1. Kiến thức ngành chuyên ngành Luật Kinh doanh (36 Tín chỉ)**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần	Học phần trước	Dạy bằng NN
----------	----------------	--------------	----	---------	------------	-------------	----------------------	-------------------



						<b>tiên quyết</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>32</b>	<b>480</b>				
1	2311022	Luật Đầu tư	2	30	BB	Không	Pháp luật về các loại hình thương nhân	
2	2311082	Luật Cạnh tranh	2	30	BB	Không	Không	
3	2311152	Pháp luật về chứng khoán	2	30	BB	Không	Không	
4	2311182	Luật Ngân hàng	2	30	BB	-Luật Hiến pháp -Pháp luật về các loại hình thương nhân	-Luật hành chính -Luật về dân sự -Luật hình sự	
5	2310162	Luật Đất đai	2	30	BB	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật.	không	
6	2311162	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	2	30	BB	-Lý luận nhà nước và	Không	

						pháp luật		
						-Những vấn đề chung về Luật dân sự		
7	2311173	Pháp luật về trọng tài thương mại	3	45	BB	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	-Pháp luật về các loại hình thương nhân -Pháp luật về hoạt động thương mại -Quan hệ kinh tế quốc tế	
8	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công	3	45	BB	Không	Không	
9	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư	3	45	BB	Không	Không	
10	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp	3	45	BB	Không	Không	

11	2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý	2	30	BB	Không	Không	
12	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm	2	30	BB	Không	Những vấn đề chung về Luật Dân sự	
13	2311202	Luật Kinh doanh bất động sản	2	30	TC	Không	-Luật Đất đai -Luật Hợp đồng	
14	2310222	Luật An sinh xã hội	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Luật lao động	
<b>Các học phần tự chọn (Học 8/12 tín chỉ)</b>			<b>4</b>	<b>60</b>				
1	2311052	Pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động thương mại	2	30	TC	Không	Không	
2	2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	30	TC	Pháp luật về các loại hình thương nhân	Không	
3	2311222	Luật Môi trường	2	30	TC	không	không	

4	2311072	Luật thuế	2	30	TC	-Luật Hiến pháp -Pháp luật về các loại hình thương nhân	-Luật hành chính -Luật về dân sự -Luật hình sự	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>36</b>	<b>540</b>				

***II.2.2.2. Kiến thức ngành chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng (36 Tín chỉ)***

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>32</b>	<b>480</b>				
1	2311022	Luật Đầu tư	2	30	BB	Không	Pháp luật về các loại hình thương nhân	
2	2311082	Luật Cạnh tranh	2	30	BB	Không	Không	
3	2311152	Pháp luật về chứng khoán	2	30	BB	Không	Không	
4	2311182	Luật Ngân hàng	2	30	BB	-Luật Hiến pháp	-Luật hành chính	

						-Pháp luật về dân sự các loại hình thương nhân	-Luật hình sự	
5	2310162	Luật Đất đai	2	30	BB	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật.	không	
6	2311162	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	2	30	BB	-Lý luận nhà nước và pháp luật  -Những vấn đề chung về Luật dân sự	Không	
7	2311243	Luật Thi hành án dân sự	3	45	BB	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	-Luật Tố tụng Dân sự	

8	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công	3	45	BB	Không	Không	
9	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư	3	45	BB	Không	Không	
10	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tổ tụng và giải quyết tranh chấp	3	45	BB	Không	Không	
11	2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý	2	30	BB	Không	Không	
12	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm	2	30	BB	Không	Những vấn đề chung về Luật Dân sự	
13	2311072	Luật thuế	2	30	BB	-Luật Hiến pháp -Pháp luật về các loại hình thương nhân	-Luật hành chính -Luật dân sự -Luật hình sự	
14	2311252	Luật tài chính công	2	30	BB	Luật Hành chính	Không	
<b>Các học phần tự chọn (Học 4/8 tín chỉ)</b>			<b>4</b>	<b>60</b>				
1	2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	30	TC	Pháp luật về các loại	Không	

						hình thương nhân		
2	2311222	Luật Môi trường	2	30	TC	không	không	
3	2311202	Luật Kinh doanh bất động sản	2	30	TC	Không	-Luật Đất đai -Luật Hợp đồng	
4	2310222	Luật An sinh xã hội	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Luật lao động	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>36</b>	<b>540</b>				

***II.2.2.2. Kiến thức ngành chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế (36 Tín chỉ)***

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>32</b>	<b>480</b>				
1	2311022	Luật Thương mại Quốc tế	2	30	BB	Không	Pháp luật về các loại hình thương nhân	

2	2311082	Luật Cạnh tranh	2	30	BB	Không	Không	
3	2311272	Luật WTO	2	30	BB	Không	Không	
4	2311262	Tập quán thương mại quốc tế	2	30	BB	Không	Không	
5	2310162	Luật Đất đai	2	30	BB	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật.	không	
6	2311282	Quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế	2	30	BB	-Lý luận nhà nước và pháp luật  -Những vấn đề chung về Luật dân sự	Không	
7	2311292	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	2	30	BB	Không	Không	
8		Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công	3	45	BB	Không	Không	
9	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư	3	45	BB	Không	Không	
10	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp	3	45	BB	Không	Không	



11	2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý	2	30	BB	Không	Không	
12	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm	2	30	BB	Không	Những vấn đề chung về Luật Dân sự	
13	2311303	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	3	45	BB	Không	Không	
14	2311312	Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ	2	30	BB	Không	Không	
<b>Các học phần tự chọn (Học 4/8 tín chỉ)</b>			<b>4</b>	<b>60</b>				
1	2311322	Pháp luật về thanh toán quốc tế	2	30	TC	Không	Không	
2	2311332	Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO	2	30	TC	Không	Không	
3	2311342	Luật đầu tư quốc tế	2	30	TC	Không	Không	
4	2311352	Các tổ chức kinh tế quốc tế	2	30	TC	Không	Không	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>36</b>	<b>540</b>				

### *II.2.2.3. Kiến thức bổ trợ (6 Tín chỉ):*

#### *II.2.2.3.1. Kiến thức bổ trợ chuyên ngành Luật Kinh doanh (6 Tín chỉ):*

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Đạy bằng NN
<b>Học phần tự chọn (6/12 TC)</b>			<b>6</b>	<b>90</b>				

1	2311362	Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại	2	30	TC	Không	Không	
2	2312072	Thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	2	30	TC	Không	Không	
3	2311372	Pháp luật về Hợp đồng thương mại quốc tế	2	30	TC	-Lý luận chung về nhà nước và pháp luật -Pháp Luật về Hợp đồng	-Pháp luật về hoạt động thương mại -Công pháp quốc tế. -Tur pháp quốc tế.	
4	2311382	Pháp luật về Quản trị nhân sự	2	30	TC	Không	Luật Lao động	
5	2311392	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30	TC	Không	-Pháp luật về các loại hình thương nhân -Pháp luật về hoạt động	

							thương mại	
6	2311402	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	30	TC	Không	- Những vấn đề chung về Luật Dân sự - Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng - Luật Cạnh tranh	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>6</b>	<b>90</b>				

**II.2.2.3.2. Kiến thức bổ trợ chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng (6 Tín chỉ):**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Đay bằng NN
<b>Học phần tự chọn (6/12 TC)</b>			<b>6</b>	<b>90</b>				
1	2311362	Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại	2	30	TC	Không	Không	
2	2312072	Thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	2	30	TC	Không	Không	

3	2311412	Pháp luật về kế toán	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Pháp luật về các loại hình thương nhân	
4	2311422	Luật thuế quốc tế	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Luật Thuế	
5	2311432	Quản trị ngân hàng thương mại	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	-Quản trị học -Luật Ngân hàng	
6	2311442	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và	-Luật Ngân hàng	

						pháp luật		
<b>Tổng cộng:</b>			<b>6</b>	<b>90</b>				

**II.2.2.3.3. Kiến thức bổ trợ chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế (6 Tín chỉ):**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
<b>Học phần tự chọn (6/12 TC)</b>			<b>6</b>	<b>90</b>				
1	2311362	Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại	2	30	TC	Không	Không	
2	2312072	Thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	2	30	TC	Không	Không	
3	2311452	Hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế	2	30	TC	Không	Không	
4	2311462	Pháp luật về đấu thầu	2	30	TC	Không	Không	
5	2311392	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30	TC	Không	Không	
6	2311472	Pháp luật về điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế	2	30	TC	Không	Không	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>6</b>	<b>90</b>				

**II.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp (9 Tín chỉ):**

**II.2.2.4.1. Kiến thức tốt nghiệp chuyên ngành Luật Kinh doanh (9 Tín chỉ):**

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2313013	Thực tập tốt nghiệp	3	45	BB			
2	2313026	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	TC			
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (học 6/12 tín chỉ)</i>			6	90				
1	2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2	30	TC	Không	-Pháp luật về hợp đồng -Pháp luật về các loại hình thương nhân -Pháp luật về hoạt động thương mại	
2	2311482	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước	-Pháp Luật về Hợp đồng	

						và pháp luật	-Pháp luật về các loại hình thương nhân -Pháp luật về hoạt động thương mại -Luật Tố tụng dân sự	
3	2313052	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Những vấn đề chung về Luật Dân sự -Luật tố tụng dân sự -Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài	

							hợp đồng	
4	2311492	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai	2	30	TC	Không	Luật đất đai	
5	2311502	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động	2	30	TC	Không	-Luật lao động -Luật an sinh xã hội	
6	2311512	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	2	30	TC	Không	-Pháp luật về các loại hình thương nhân -Pháp luật về hoạt động thương mại -Luật Cạnh tranh	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>9</b>	<b>135</b>				

***II.2.2.4. 2. Kiến thức tốt nghiệp chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng (9 Tín chỉ):***



Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2313013	Thực tập tốt nghiệp	3	45	BB			
2	2313026	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	TC			
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (học 6/12 tín chỉ)</i>			6	90				
1	2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2	30	TC	Không	-Pháp luật về hợp đồng -Pháp luật về các loại hình thương nhân -Pháp luật về hoạt động thương mại	
2	2311482	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước	-Pháp Luật về Hợp đồng	

						và pháp luật	-Pháp luật về các loại hình thương nhân -Pháp luật về hoạt động thương mại -Luật Tố tụng dân sự	
3	2313052	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự	2	30	TC	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Những vấn đề chung về Luật Dân sự -Luật tố tụng dân sự -Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài	

							hợp đồng	
4	2311522	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	2	30	TC	Không	Không	
5	2311532	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	2	30	TC	Không	-Luật thuế	
6	2311512	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	2	30	TC	Không	-Pháp luật về các loại hình thương nhân -Pháp luật về hoạt động thương mại -Luật Cạnh tranh	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>9</b>	<b>135</b>				

***II.2.2.4.3. Kiến thức tốt nghiệp chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế (9 Tín chỉ):***

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần tiên quyết	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	2313013	Thực tập tốt nghiệp	3	45	BB			

2	2313026	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	TC			
<b><i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (học 6/12 tín chỉ)</i></b>			6	90				
1	2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2	30	TC	Không	-Pháp luật về hợp đồng -Pháp luật về các loại hình thương g nhân -Pháp luật về hoạt động thương g mại	
2	2311542	Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách	2	30	TC	Không	Không	
3	2311552	Pháp luật về quảng cáo, hội trợ, triển lãm quốc tế	2	30	TC	Không	Không	
4	2311562	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam	2	30	TC	Không	Không	
5	2311572	Pháp luật về cộng đồng Asean	2	30	TC	Không	Không	

6	2311582	Pháp luật về Liên minh Châu Âu	2	30	TC	Không	Không	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>9</b>	<b>135</b>				

### II.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

#### **Ghi chú:**

H: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Cao”

M: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Trung bình”

L: Mức đáp ứng của học phần cho CĐR của CTĐT là “Thấp”

Bỏ trống hoặc “-”: Học phần không đáp ứng cho CĐR của CTĐT

STT	Mã HP	Tên học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra											
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
<b>I. Học phần đại cương</b>														
1	1010443	Triết học Mác – Lênin		H									M	M
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		H									M	M
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học		H									M	M
4	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		H									M	M
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh		H									M	M
6	1010484	Tiếng Anh cơ bản 1						M				H		M
7	1010494	Tiếng Anh cơ bản 2						M				H		M
8	1010504	Tiếng Anh cơ bản 3						M				H		M
9	1010513	Kinh tế học	H	H									M	M

10	2310072	Logic học đại cương	H	H					H				M	M
11	1010522	Tài chính doanh nghiệp	H	H								M	M	M
12	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế	H	H									M	M
13	2310012	Lịch sử các học thuyết chính trị	H	H									M	M
14	2310042	Lý thuyết tài chính – Tiền tệ	H	H									M	M
15	1010342	Quản trị học	H	H								M	M	M
16	1010112	Tâm lý học đại cương		H									M	M
17	1010012	Cơ sở văn hóa Việt Nam		H									M	M
18	1010083	Tin học đại cương	H										M	M
19	1010042	Giáo dục thể chất 1												M
20	1010182	Giáo dục thể chất 2												M
21	1010034	Giáo dục Quốc phòng												M
<b>II. Kiến thức cơ sở khối ngành Luật</b>														
22	2310053	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật		H	H									M
23	2310262	Nhập môn Luật học		M	H				M	H				H
24	2310062	Quan hệ Kinh tế Quốc tế		H	H	H							H	
25	2310272	Xã hội học pháp luật				H			H	H			M	M
26	1010532	Luật so sánh			H									M
<b>III. Kiến thức ngành Luật</b>														

27	2310092	Những vấn đề chung về Luật Dân sự			H				H	M				H
28	2310112	Quyền sở hữu và thừa kế			H				H	M				H
29	2311013	Pháp luật về Hợp đồng			H		H		H	M				H
30	2310103	Luật Hiến pháp		M	H					H				H
31	2310143	Luật Hành chính		M	H				H					H
32	2311102	Luật Hình sự phân chung			H				H	M				H
33	2311113	Luật Hình sự phân tội phạm			H				H	M				H
34	2311123	Pháp luật về các loại hình thương nhân					H			M	M			H
35	2311133	Pháp luật về hoạt động thương mại					H			M	M			H
36	2310242	Luật Hôn nhân và Gia đình					H			M				H
37	2310133	Luật Lao động					H		H	M			H	H
38	2310153	Luật Tố tụng Dân sự			H				H	M			H	H
39	2310172	Luật Tố tụng Hình sự			H				H	M		H	H	H
40	2310202	Công pháp Quốc tế					H		H	H			M	M
41	2310212	Tư pháp Quốc tế					H		H	H			M	M
42	2311142	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng			H		H		H	M				H
43	2310542	Kỹ năng soạn thảo văn bản							H	H		M	M	H
44	2311062	Luật Kinh doanh bảo hiểm					H				M		M	H

**IV. Học phần chuyên ngành**

IV.1. Chuyên ngành Luật Kinh doanh														
45	2311022	Luật Đầu tư				H	H			H			M	H
46	2310082	Luật Cảnh tranh				H	H			H			M	H
47	2311152	Pháp luật về chứng khoán					H		H	M	M			H
48	2311182	Luật Ngân hàng					H		H	M	M			H
49	2310162	Luật Đất đai				H			H	H	H		M	M
50	2311162	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại					H		H	H			M	H
51	2311052	Pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động thương mại					H		M	H				H
52	2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp					H		H	H	M			H
53	2311202	Luật Kinh doanh bất động sản				H			H	H			M	M
54	2310222	Luật An sinh xã hội		H	H					M				
55	2311222	Luật Môi trường		H			H			H			M	H
56	2311072	Luật thuế				H	H			H			M	H
57	2311173	Pháp luật về trọng tài thương mại				H			H	M			H	H
58	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công				H				H			H	H
59	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư				H				H			H	H
60	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp				H				H			H	H



61	2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý				H	M			M		H	H	H
62	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm					H		H	H				M
<b>IV.2. Chuyên ngành Luật Tài chính Ngân hàng</b>														
45a	2311022	Luật Đầu tư				H	H			H			M	H
46a	2311082	Luật Cảnh tranh				H	H			H			M	H
47a	2311152	Pháp luật về chứng khoán					H		H	M	M			H
48a	2311182	Luật Ngân hàng					H		H	M	M			H
49a	2310162	Luật Đất đai					H		H	M	M			H
50a	2311212	Luật sở hữu trí tuệ					H		H	H			M	H
51a	2311243	Luật thi hành án dân sự				H	M			M	M		M	H
52a	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công				H			H				H	H
53a	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư				H			H				H	H
54a	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp				H			H				H	H
55a	2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý				H	M			M		H	H	H
56a	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm					H		H	H				M
57a	2311072	Luật thuế				H	H			H			M	H
58a	2311252	Luật tài chính công					H		M	M	M			H
59a	2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp					H		H	H	M			H
60a	2311222	Luật Môi trường		H			H			H			M	H

61a	2311202	Luật Kinh doanh bất động sản				H			H	H			M	M
62a	2310222	Luật An sinh xã hội		H	H					M				
<b>IV.3. Chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế</b>														
45b	2311022	Luật Thương mại Quốc tế				H	H						M	H
46b	2311082	Luật Cạnh tranh				H	H			H			M	H
47b	2311272	Luật WTO					H		M	H	M		M	H
48b	2311262	Tập quán thương mại quốc tế				H	H			H			M	H
49b	2310162	Luật Đất đai				H			H	MH	H		M	M
50b	2311282	Quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại quốc tế						H	H	H			H	H
51b	2311292	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế				H			H	M			H	H
52b	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công				H				H			H	H
53b	2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư				H			H	H			H	H
54b	2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp				H				H			H	H
55b	2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý				H	M			M		H	H	H
56b	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm					H		H	H				M
57b	2311303	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế					H		M	H	M		M	H

58b	2311312	Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ					H		M	H	M		M	H
59b	2311322	Pháp luật về thanh toán quốc tế					H		M	H	M		M	H
60b	2311332	Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO					H		M	H	M		M	H
61b	2311342	Luật đầu tư quốc tế					H		M	H	M		M	H
62b	2311352	Các tổ chức kinh tế quốc tế			M				H	H			M	H
<b>V. Kiến thức bổ trợ</b>														
<b>V.1. Kiến thức bổ trợ (chuyên ngành Luật Kinh doanh)</b>														
63	2311362	Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại						H	H	M	M			H
64	2312072	Thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu						H	H	M	M			H
65	2311372	Pháp luật về Hợp đồng thương mại quốc tế						H	H	M	M			H
66	2311382	Pháp luật về Quản trị nhân sự				H			H	H			M	M
67	2311392	Pháp luật về thương mại điện tử				H				M		H	H	H
68	2311402	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		M	H				M	H				H
<b>V.2. Kiến thức bổ trợ (chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng)</b>														
63a	2311362	Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại						H	H	M	M			H

64a	2312072	Thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu						H	H	M	M			H	
65a	2311412	Pháp luật về kế toán						H	H	M	M			H	
66a	2311422	Luật thuế quốc tế						H	H		H		H	H	
67a	2311432	Quản trị ngân hàng thương mại						H	H	M	M			H	
68a	2311442	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại						H	H	M	M			H	
<b>V.3. Kiến thức bổ trợ (chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế)</b>															
63b	2311362	Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại						H	H	M	M			H	
64b	2312072	Thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu						H	H	M	M			H	
65b	2311452	Hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế						H	H	M	M			H	
66b	2311462	Pháp luật về đấu thầu						H	H	M	H			H	
67b	2311392	Pháp luật về thương mại điện tử						H	H	M	M			H	
68b	2311472	Pháp luật về điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế						H	H	H			H	H	
<b>VI. Kiến thức tốt nghiệp</b>															
69	2313013	Thực tập tốt nghiệp		M		H	H						H	H	
70	2313026	Khóa luận tốt nghiệp		M		H	H						H	H	
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế chuyên ngành Luật Kinh doanh</i>															

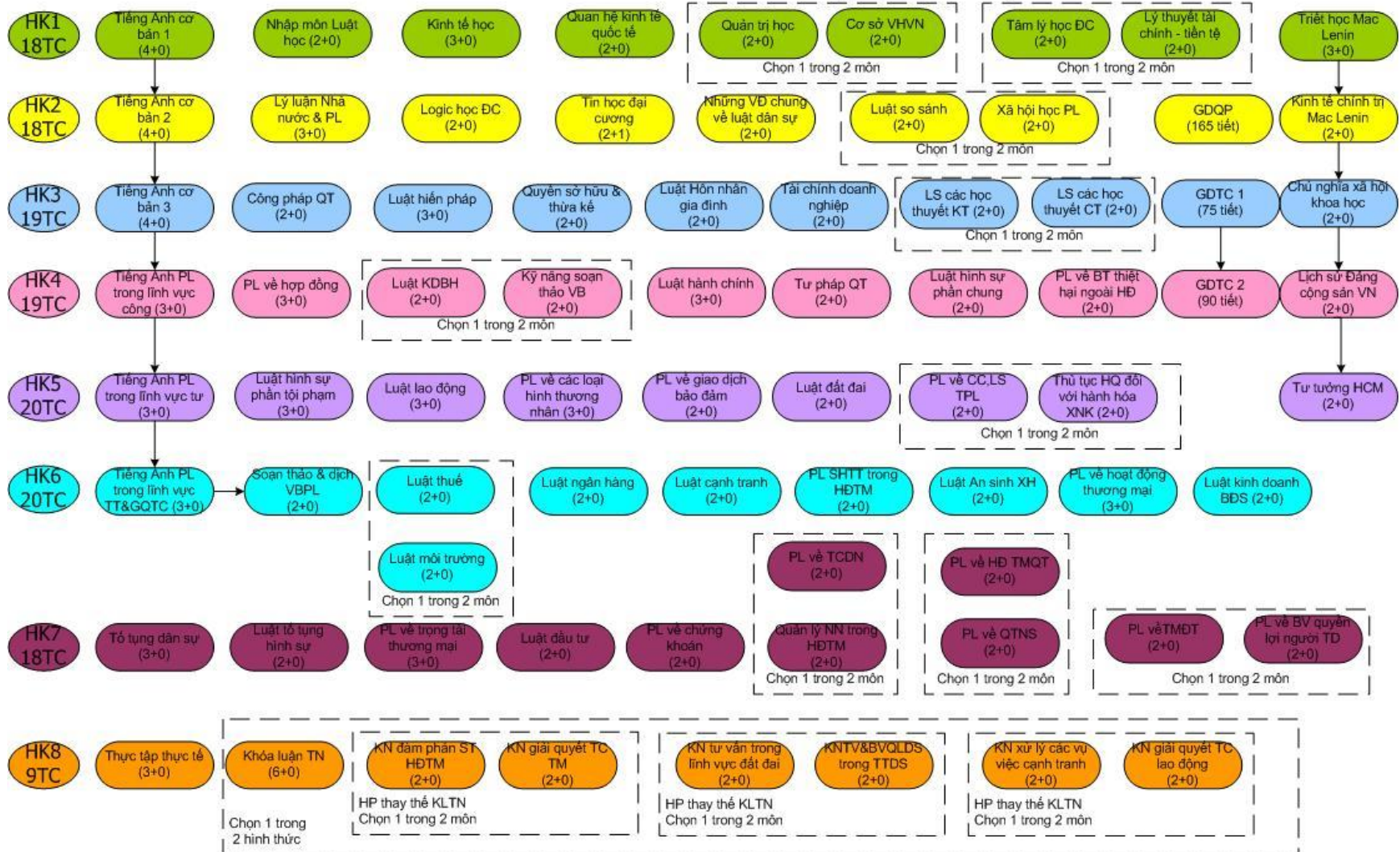
71	2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại			H	H				M	M		M	H
72	2311482	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại			H	H				M	M		M	H
73	2313052	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự			H	H				M	M		M	H
74	2311492	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai				H			H	H			M	M
75	2311502	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động			H	H			H	H			M	M
76	2311512	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh			H	H	H			H			M	H
<b>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng</b>														
71a	2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại			H	H				M	M		M	H
72a	2311482	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại			H	H				M	M		M	H
73a	2313052	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự			H	H				M	M		M	H
74a	2311522	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại					H				M		M	H

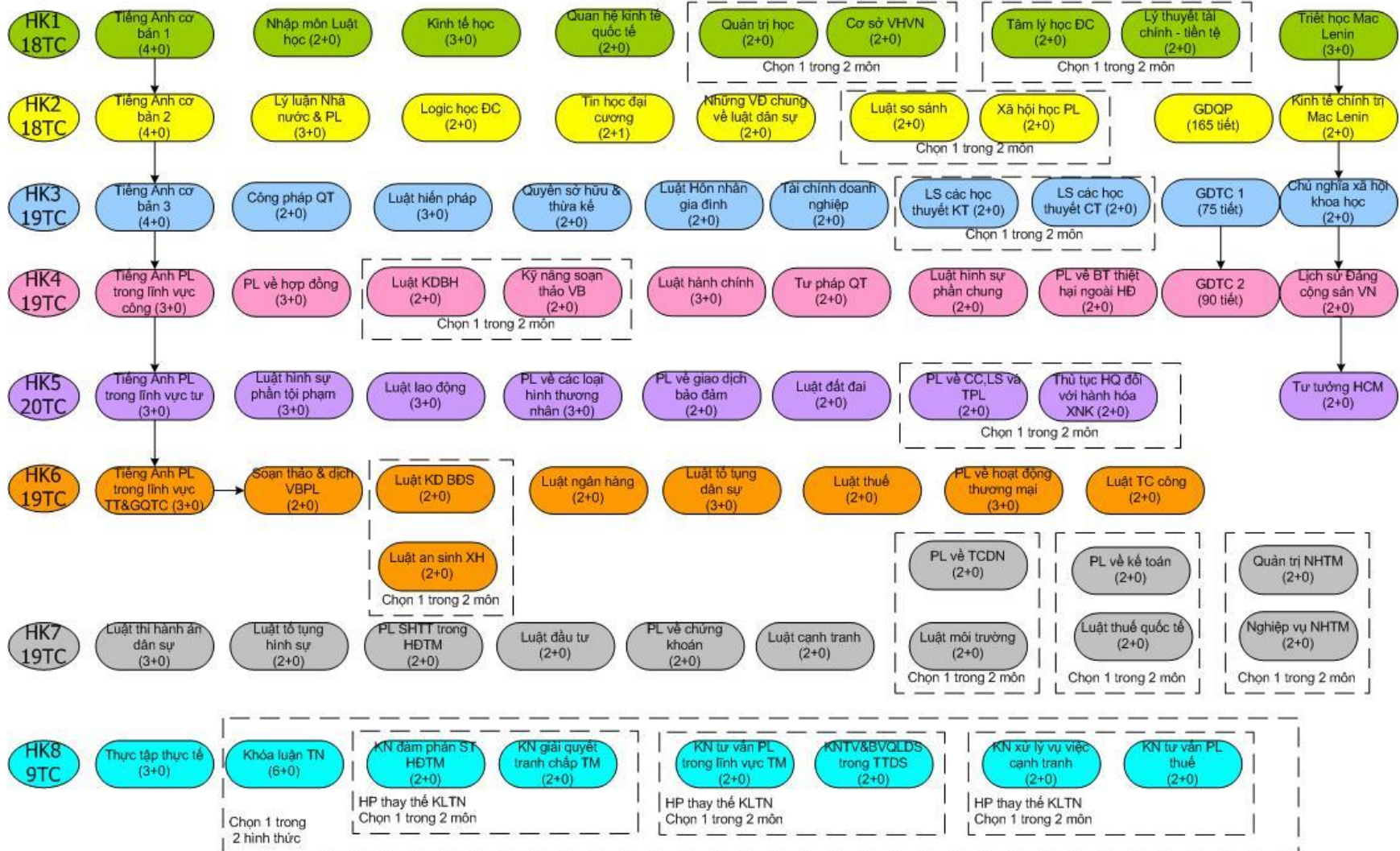
75a	2311532	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế			H	H				M	M		M	H
76a	2311512	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh				H	H			H			M	H
<b><i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế</i></b>														
71b	2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại			H	H				M	M		M	H
72b	2311542	Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách			M	M		H		H			M	H
73b	2311552	Pháp luật về quảng cáo, hội trợ, triển lãm quốc tế			H	H				M	M		M	H
74b	2311562	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam		M		M				H		H	H	H
75b	2311572	Pháp luật về cộng đồng Asean			H	H				M	M		M	H
76b	2311582	Pháp luật về Liên minh Châu Âu			H	H				M	M		M	H

***II.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):***

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ – TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH  
**BỘ MÔN LUẬT**

SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC  
**NGÀNH LUẬT KINH TẾ (CN: Luật kinh doanh)**  
(Áp dụng từ khóa 2019)

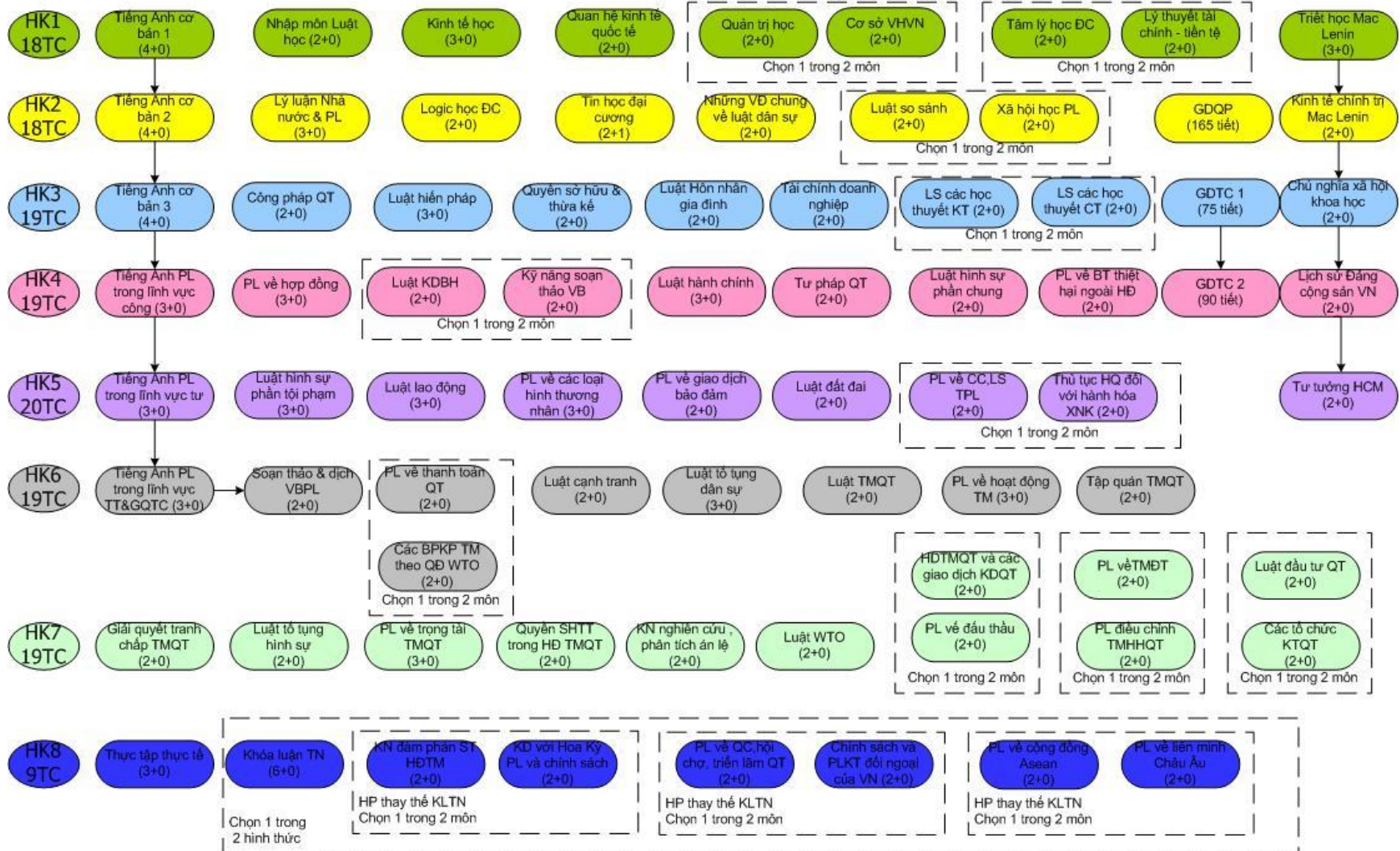






TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ – TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH  
**BỘ MÔN LUẬT**

SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC  
**NGÀNH LUẬT KINH TẾ (CN: Luật thương mại quốc tế)**  
 (Áp dụng từ khóa 2019)



**II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến (Các chuyên ngành học giống nhau từ học kỳ 1 đến học kỳ 5)**

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>1</b>	1010443	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	0	<b>18</b>
		1010513	Kinh tế học	3	2	1	0	
		2310262	Nhập môn Luật học	2	2	0	0	
		1010484	Tiếng Anh cơ bản 1	4	4	0	0	
		1010342	Quản trị học	2	2	0	0	
		1010012	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Chọn 1 trong 2)					
		1010112	Tâm lý học đại cương	2	2	0	0	
		2310042	Lý thuyết Tài chính – tiền tệ (Chọn 1 trong 2)					
	2310062	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	2	1	0		
	<b>2</b>	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	0	<b>18</b>
		2310053	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	3	2	1	0	
		2310092	Những vấn đề chung về Luật Dân sự	2	1,5	0,5	0	
		1010083	Tin học Đại cương	3	2	0	1	
		2310072	Logic học Đại cương	2	2	0	0	
1010494		Tiếng Anh cơ bản 2	4	4	0	0		
2310272		Xã hội học pháp luật	2	2	0	0		
1010532	Luật so sánh (Chọn 1 trong 2)							
<b>II</b>	<b>1</b>	1010042	Giáo dục thể chất 1					<b>19</b>
		1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	
		1010522	Tài chính doanh nghiệp	2	2	0	0	
		2310103	Luật Hiến pháp	3	2	1	0	
		2310202	Công pháp quốc tế	2	1,5	0,5	0	
		2310112	Quyền sở hữu và Thừa kế	2	1,5	0,5	0	
		2310242	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	1,5	0,5	0	
		1010504	Tiếng Anh cơ bản 3	4	4	0	0	

2	2310032	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	0	19
	2310012	Lịch sử các học thuyết chính trị (Chọn 1 trong 2)					
	1010182	Giáo dục thể chất 2					
	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	
	2311013	Pháp luật về Hợp đồng	3	2	1	0	
	2311102	Luật Hình sự phần chung	2	1,5	0,5	0	
	2311142	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2	1,5	0,5	0	
	2310143	Luật Hành chính	3	2	1	0	
	2310503	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công	3	2	1	0	
	2311072 2310542	Luật Kinh doanh bảo hiểm Kỹ năng soạn thảo văn bản (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0	
2310212	Tư pháp Quốc tế	2	1,5	0,5	0		
1	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	20
	2310133	Luật Lao động	3	2	1	0	
	2311113	Luật Hình sự phần tội phạm	3	2	1	0	
	2311123	Pháp luật về các loại hình thương nhân	3	2	1	0	
	2311192	Pháp luật về Giao dịch bảo đảm	2	1,5	0,5	0	
	2311362	-Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại					
	2310072	-Thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0	
	2310162	Luật Đất đai	2	1,5	0,5	0	
2310513	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư	3	2	1	0		
2	<b>Chuyên ngành Luật Kinh doanh</b>						20
	2311202	Luật Kinh doanh bất động sản	2	1,5	0,5	0	
	2311182	Luật Ngân hàng	2	1,5	0,5	0	
	2311133	Pháp luật về hoạt động thương mại	3	2	1	0	

		2311082	Luật Cạnh tranh	2	1,5	0,5	0	
		2311162	Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	2	1,5	0,5	0	
		2310222	Luật An sinh xã hội	2	1,5	0,5	0	
		2311072 2311222	Luật thuế Luật môi trường (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0	
		2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp	3	2	1	0	
		2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý	2	1	1	0	
		<b>Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng</b>						
		2311072	Luật thuế	2	1,5	0,5	0	
		2311182	Luật Ngân hàng	2	1,5	0,5	0	
		2311133	Pháp luật về hoạt động thương mại	3	2	1	0	
		2310153	Luật Tố tụng Dân sự	3	2	1	0	
		2311252	Luật Tài chính công	2	1,5	0,5	0	
		2310222 2311202	Luật An sinh xã hội Luật Kinh doanh bất động sản (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0	
		2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp	3	2	1	0	
III		2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý	2	1	1	0	19
		<b>Chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế</b>						
		2311022	Luật Thương mại Quốc tế	2	1,5	0,5	0	
		2311262	Tập quán Thương mại Quốc tế	2	1,5	0,5	0	
		2311133	Pháp luật về hoạt động thương mại	3	2	1	0	
		2310153	Luật Tố tụng Dân sự	3	2	1	0	
		2311082	Luật Cạnh tranh	2	1,5	0,5	0	
		2311322 2311332	- Pháp luật về thanh toán quốc tế - Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0	
III	2							19

		2310523	Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp	3	2	1	0	
		2310532	Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý	2	1	1	0	
<b>IV</b>	<b>1</b>	<b>Chuyên ngành Luật Kinh doanh</b>						<b>18</b>
		2310153	Luật Tố tụng Dân sự	3	2	1	0	
		2310172	Luật Tố tụng Hình sự	2	1,5	0,5	0	
		2311133	Pháp luật về trọng tài thương mại	3	2	1	0	
		2311022	Luật Đầu tư	2	1,5	0,5	0	
		2311052	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp Quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại <i>(Chọn 1 trong 2)</i>	2	1,5	0,5	0	
		2311152	Pháp luật về chứng khoán	2	1,5	0,5	0	
		2311372	Pháp luật về hợp đồng thương mại Quốc tế	2	1,5	0,5	0	
		2311382	Pháp luật về Quản trị nhân sự <i>(Chọn 1 trong 2)</i>					
		2311392	Pháp luật về thương mại điện tử	2	1,5	0,5	0	
2311402	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>(Chọn 1 trong 2)</i>							
<b>IV</b>	<b>1</b>	<b>Chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng</b>						<b>19</b>
		2311243	Luật Thi hành án Dân sự	3	2	1	0	
		2310172	Luật Tố tụng Hình sự	2	1,5	0,5	0	
		2311162	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	2	1,5	0,5	0	
		2311022	Luật Đầu tư	2	1,5	0,5	0	
		2313092	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	1,5	0,5	0	
		2311222	Luật Môi trường <i>(Chọn 1 trong 2)</i>					
		2311152	Pháp luật về chứng khoán	2	1,5	0,5	0	
		2311412	Pháp luật về kế toán	2	1,5	0,5	0	
2311422	Luật thuế quốc tế <i>(Chọn 1 trong 2)</i>							

		2311432	Quản trị ngân hàng thương mại							
		2311442	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0			
		2311082	Luật Cạnh tranh	2	1,5	0,5	0			
		<b>Chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế</b>								
<b>IV</b>	<b>1</b>	2311292	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	2	1,5	0,5	0	<b>19</b>		
		2310172	Luật Tố tụng Hình sự	2	1,5	0,5	0			
		2311303	Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	3	2	1	0			
			Quyền sở hữu trí tuệ trong hợp đồng thương mại quốc tế	2	1,5	0,5	0			
		2311312	Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ	2	1,5	0,5	0			
		2311462	Pháp luật về đấu thầu							
		2311452	Hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0			
		2311272	Luật WTO	2	1,5	0,5	0			
			Pháp luật về Thương mại điện tử Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5	0			
			2311342 2311352	Luật đầu tư quốc tế Các tổ chức kinh tế quốc tế (Chọn 1 trong 2)	2	1,5	0,5		0	
<b>IV</b>	<b>2</b>	2313013	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	3	<b>9</b>		
		2313026	Khóa luật tốt nghiệp	6	0	0	6			
		<b>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (chuyên ngành Luật Kinh doanh)</b>								
		2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại							
		2311482	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại (Chọn 1 trong 2)	2	1	0	1			
	2323052	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự	2	1	0	1				

2311492	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai (Chọn 1 trong 2)				
2311502	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động	2	1	0	1
2311512	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh (Chọn 1 trong 2)				
<b><i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (chuyên ngành Luật Tài chính ngân hàng)</i></b>					
2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2	1	0	1
2311482	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại (Chọn 1 trong 2)				
2323052	Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự	2	1	0	1
2311522	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại (Chọn 1 trong 2)				
2311532	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	2	1	0	1
2311512	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh (Chọn 1 trong 2)				
<b><i>Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp thì chọn các học phần thay thế (chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế)</i></b>					
2313032	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	2	1	0	1
2311542	Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách (Chọn 1 trong 2)				
2311552	Pháp luật về quảng cáo, hội trợ, triển lãm quốc tế	2	1	0	1
2311562	Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam (Chọn 1 trong 2)				
2311572	Pháp luật về cộng đồng Asean	2	1	0	1
2311582	Pháp luật về Liên minh Châu Âu (Chọn 1 trong 2)				

### II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

STT	Mã HP		Tên HP	Tên giảng viên	Ghi chú
1	1010443		Triết học Mác – Lênin		Khoa Lý luận chính trị
2	1010452		Kinh tế chính trị Mác – Lênin		Khoa Lý luận chính trị
3	1010462		Chủ nghĩa xã hội khoa học		Khoa Lý luận chính trị
4	1010472		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		Khoa Lý luận chính trị
5	1010092		Tư tưởng Hồ Chí Minh		Khoa Lý luận chính trị
6	1010484		Tiếng Anh cơ bản 1		Bộ môn Tiếng Anh không chuyên
7	1010494		Tiếng Anh cơ bản 2		Bộ môn Tiếng Anh không chuyên
8	1010504		Tiếng Anh cơ bản 3		Bộ môn Tiếng Anh không chuyên
9	1010513		Kinh tế học	ThS. Huỳnh Thị Nhi ThS. Nguyễn Thành Luân  ThS. Phan Minh Đạt	Cơ hữu - Phòng Quản trị - Tài vụ Cơ hữu-Khoa Quản trị Kinh doanh



				ThS. Nguyễn Duy Trung	Cơ hữu-Khoa Kinh tế Tài chính Cơ hữu-TTTT và QHDN
10	2310072		Logic học đại cương	PGS. TS. Trần Mai Ước ThS. Hà Thanh Quyền	Mời giảng  Mời giảng
11	1010522		Tài chính doanh nghiệp	ThS. Thái Thị Thu Nguyệt  ThS. Nguyễn Thành Luân	Cơ hữu - Khoa Kinh tế Tài chính Cơ hữu-Khoa Quản trị Kinh doanh
12	2310032		Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS. TS. Trần Mai Ước ThS. Hà Thanh Quyền	Mời giảng  Mời giảng
13	2310012		Lịch sử các học thuyết chính trị	PGS. TS. Trần Mai Ước ThS. Hà Thanh Quyền	Mời giảng  Mời giảng
14	2310042		Lý thuyết tài chính – Tiền tệ	ThS. Thái Thị Thu Nguyệt  ThS. Nguyễn Thành Luân	Cơ hữu - Khoa Kinh tế Tài chính

					Cơ hữu-Khoa Quản trị Kinh doanh
15	1010342		Quản trị học	ThS. Nguyễn Chuẩn Nam ThS. Nguyễn Hoàng Vũ  ThS. Nguyễn Duy Trung	Cơ hữu - Phòng Đào tạo Cơ hữu-Khoa Quản trị Kinh doanh Cơ hữu - TT Truyền thông - QHĐN
16	1010112		Tâm lý học đại cương	TS. Võ Thị Bích Hạnh  ThS. Nguyễn Thị Trang Nhung ThS. Hoàng Vũ Minh	Cơ hữu - Khoa Du lịch – Khách sạn Mời giảng  Mời giảng
17	1010012		Cơ sở văn hóa Việt Nam	TS.GVC. Hoàng Kim Oanh  ThS. Chung Quốc Phong	Cơ hữu – Khoa Đông Phương  Cơ hữu - Phòng CT-TC- CTSV
18	1010083		Tin học đại cương	ThS. Cao Tiến Thành ThS. Nguyễn Chuẩn Nam	Cơ hữu – Khoa CNTT Cơ hữu – Phòng Đào tạo

				ThS.Văn Nguyễn Như Tâm	Cơ hữu
19	2310053		Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu PGS.TS. Phan Nhật Thanh	Cơ hữu Mời giảng
20	2310092		Những vấn đề chung về Luật Dân sự	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang Ths. Lê Thị Minh Nguyệt TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
21	23100112		Quyền sở hữu và thừa kế	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên	Cơ hữu Mời giảng
22	2310103		Luật Hiến pháp	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền ThS. Đinh Thị Cẩm Hà ThS. Nguyễn Hong Tú ThS. Vũ Lê Hải Giang	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
23	2311102		Luật Hình sự phân chung	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa TS. Vũ Thị Thúy	Mời giảng Mời giảng Mời giảng

				ThS. Trần Quốc Minh ThS. Lư Phương Nhật Thùy	Mời giảng
24	2311113		Luật Hình sự phân các tội phạm cụ thể	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa ThS. Trần Quốc Minh TS. Vũ Thị Thúy ThS. Lư Phương Nhật Thùy	Mời giảng Mời giảng Mời giảng Mời giảng
25	2310133		Luật Lao động	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu NCS. Phạm Hoàng Linh TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên ThS. Bùi Kim Ngân PGS.TS. Hồ Xuân Thắng	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
26	2310143		Luật Hành chính	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu Cơ hữu

27	2310162		Luật Đất đai	NCS. Phạm Hoàng Linh ThS. Phạm Thy Tường Vi ThS. Ngô Gia Hoàng TS. Ninh Thị Hiền	Cơ hữu  Cơ hữu  Mời giảng  Mời giảng
28	2310262		Nhập môn Luật học	TS. Võ Trung Tín ThS. Võ Song Toàn	Mời giảng  Mời giảng
29	2310242		Luật Hôn nhân và Gia đình	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Nguyễn Thị Mận	Mời giảng  Cơ hữu  Mời giảng
30	2310153		Luật Tố tụng Dân sự	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Huỳnh Quang Thuận TS. Đặng Thanh Hoa	Mời giảng  Mời giảng  Mời giảng
31	2310172		Luật Tố tụng Hình sự	ThS. Trần Quốc Minh	Mời giảng

				PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa TS. Vũ Thị Thúy ThS. Lư Phương Thùy Lư Nhật	Mời giảng Mời giảng Mời giảng
32	2311142		Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu ThS. Lê Thị Minh Nguyệt TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
33	2310222		Luật An sinh xã hội	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu NCS. Phạm Hoàng Linh TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên ThS. Bùi Kim Ngân PGS.TS. Hồ Xuân Thắng	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
34	2310202		Công pháp Quốc tế	ThS. Dương Minh Truyền ThS. Phạm Hữu Nghĩa ThS. Phạm Thị Hồng My	Cơ hữu Cơ hữu – Phòng CT-TC- CTSV Mời giảng

35	2310212		Tư pháp Quốc tế	ThS. Dương Minh Truyền ThS. Phạm Hữu Nghĩa ThS. Phạm Thị Hồng My ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu Cơ hữu – Phòng CT-TC-CTSV Mời giảng Cơ hữu
36	2311222		Luật Môi trường	ThS. Phan Thy Tường Vi TS. Võ Trung Tín	Cơ hữu Mời giảng
37	2310062		Quan hệ Kinh tế Quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Cơ hữu
38	2310272		Xã hội học pháp luật	ThS. Chung Quốc Phong NCS. Phạm Hoàng Linh	Cơ hữu CT-TC-CTSV Cơ hữu
39	1010532		Luật so sánh	ThS. Dương Minh Truyền ThS. Phạm Hữu Nghĩa ThS. Phạm Thị Hồng My	Cơ hữu Cơ hữu – Phòng CT-TC-CTSV Mời giảng

40	2310542		Kỹ năng soạn thảo văn bản	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Cơ hữu
41	2311013		Pháp luật về Hợp đồng	ThS. Lê Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Bùi Kim Hiếu TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
42	2311022		Luật Đầu tư	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Từ Thanh Thảo	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
43	2311123		Pháp luật về các loại hình thương nhân	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Từ Thanh Thảo	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng



44	2311133		Pháp luật về hoạt động thương mại	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Từ Thanh Thảo	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời Giảng
45	231082		Luật Cạnh tranh	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Cao Tuấn Nghĩa PGS.TS. Hồ Xuân Thắng	Mời giảng Cơ hữu Mời giảng
46	2311052		Pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động thương mại	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Phạm Thị Diệu Hiền	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
47	2313092		Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	ThS. Phan Thị Tường Vi ThS. Bùi Kim Dung	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng

				TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Mời giảng
48	2311202		Luật Kinh doanh bất động sản	PGS.TS. Hồ Xuân Thắng NCS. Phạm Hoàng Linh ThS. Phan Thị Tường Vi	Mời giảng Cơ hữu Cơ hữu
49	2311072		Luật Kinh doanh bảo hiểm	PGS.TS. Hồ Xuân Thắng ThS. Phan Thị Tường Vi	Mời giảng Cơ hữu
50	2311072		Luật thuế	ThS. Phan Thị Tường Vi TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
51	2311152		Pháp luật về chứng khoán	ThS. Dương Minh Truyền TS. Phan Phương Nam ThS. Lê Văn Tranh	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
52	2311182		Luật Ngân hàng	ThS. Phan Thị Tường Vi	Cơ hữu

				ThS. Bùi Kim Dung TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Mời giảng Mời giảng Mời giảng
53	2311173		Pháp luật về trọng tài thương mại	ThS. Huỳnh Quang Thuận TS. Đặng Thanh Hoa ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Mời giảng Mời giảng Cơ hữu
54	2311162		Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại	ThS. Lê Thị Minh Nguyệt GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Cơ hữu Mời giảng
55	2311192		Pháp luật về Giao dịch bảo đảm	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Cơ hữu
56	2310503		Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực công	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Dương Minh Truyền NCS. Phạm Hoàng Linh	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu

				ThS. Cao Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Nam Trung	Mời giảng Mời giảng
57	2310513		Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tư	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Dương Minh Truyền NCS. Phạm Hoàng Linh ThS. Cao Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Nam Trung	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
58	2310523		Tiếng anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Dương Minh Truyền NCS. Phạm Hoàng Linh ThS. Cao Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Nam Trung	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng
59	2310532		Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Cơ hữu

				NCS. Phạm Hoàng Linh ThS. Cao Thị Bích Ngọc ThS. Nguyễn Nam Trung	Cơ hữu  Mời giảng  Mời giảng
60	2311362		Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại	ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo TS. Ninh Thị Hiền ThS. Nguyễn Thanh Hiền	Cơ hữu  Cơ hữu  Mời giảng  Mời giảng
61	2312072		Thủ tục Hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. LS. Khru Thanh Tâm ThS.Lê Nguyễn Thiên Hào	Cơ hữu  Mời giảng  Mời giảng
62	2311372		Pháp luật về Hợp đồng thương mại quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu  Cơ hữu
63	2311382		Pháp luật về Quản trị nhân sự	ThS. Nguyễn Thị Vĩnh Trân	Cơ hữu Phòng ĐN – TH – HC Cơ hữu

				NCS. Phạm Hoàng Linh	
64	2311392		Pháp luật về thương mại điện tử	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Lê Thị Minh Nguyệt ThS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
65	2311402		Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	ThS. Phạm Thị Diệu Hiền ThS. Huỳnh Nữ Khuê Các GVC.TS.Nguyễn Ngọc Anh Đào	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
66	2313032		Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	GVC. TS. Bùi Kim Hiếu ThS. LS. Khru Thanh Tâm ThS. Nguyễn Chuẩn Nam	Cơ hữu Mời giảng Cơ hữu – Phòng Đào tạo
67	2311482		Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu

				ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	
68	2313052		Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự	ThS. Nguyễn Thanh Hiền ThS. Lê Thị Minh Nguyệt ThS. Lư Phương Nhật Thùy	Mời giảng  Cơ hữu  Mời Giảng
69	2311492		Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai	NCS. Phạm Hoàng Linh ThS. Phạm Thy Tường Vi ThS. Ngô Gia Hoàng TS. Ninh Thị Hiền	Cơ hữu  Cơ hữu  Mời giảng  Mời giảng
70	2311502		Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu NCS. Phạm Hoàng Linh TS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên ThS. Bùi Kim Ngân PGS.TS. Hồ Xuân Thắng	Cơ hữu  Cơ hữu  Mời giảng  Mời giảng  Mời giảng

71	2311512		Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo PGS.TS. Hồ Xuân Thắng	Mời giảng  Cơ hữu  Cơ hữu  Mời giảng
72	2311243		Luật Thi hành án dân sự	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Huỳnh Quang Thuận TS. Đặng Thanh Hoa	Mời giảng  Mời giảng  Mời giảng
73	2311252		Luật tài chính công	ThS. Phan Thị Tường Vi ThS. Bùi Kim Dung TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Cơ hữu  Mời giảng  Mời giảng  Mời giảng
74	2311022		Luật Thương mại Quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa	Cơ hữu  Cơ hữu



				ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu
75	2311272		Luật WTO	ThS. Phạm Thị Hồng My TS. Nguyễn Bá Sơn ThS. Vũ Lê Hải Giang	Mời giảng Cơ hữu Ban Pháp chế Mời giảng
76	2311262		Tập quán thương mại quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa Ths. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
77	2311282		Quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Mời giảng Cơ hữu
78	2311292		Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo	Cơ hữu Cơ hữu

				ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu
79	2311303		Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế	GVC.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào ThS. Huỳnh Quang Thuận TS. Đặng Thanh Hoa	Mời giảng  Mời giảng Cơ hữu Mời giảng
80	2311312		Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ	ThS. Nguyễn Kiên Bích Tuyên	Mời giảng
81	2311322		Pháp luật về thanh toán quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Cơ hữu
82	2311332		Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO	ThS. Dương Minh Truyền ThS. Vũ Lê Hải Giang ThS. Phạm Thị Hồng My TS. Nguyễn Bá Sơn	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Cơ hữu Ban Pháp chế
83	2311342		Luật đầu tư quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	Cơ hữu Cơ hữu

84	2311352		Các tổ chức kinh tế quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Thị Thu Trang ThS. Vũ Lê Hải Giang	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
85	2311412		Pháp luật về kế toán	ThS. Phan Thị Tường Vi ThS. Bùi Kim Dung TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
86	2311422		Luật thuế quốc tế	ThS. Phan Thị Tường Vi ThS. Dương Minh Truyền ThS. Bùi Kim Dung TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
87	2311432		Quản trị ngân hàng thương mại	ThS. Phan Thị Tường Vi ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu Cơ hữu

				ThS. Bùi Kim Dung TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Mời giảng Mời giảng Mời giảng
88	2311442		Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	ThS. Phan Thị Tường Vi ThS. Dương Minh Truyền ThS. Bùi Kim Dung TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng
89	2311452		Hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế	GVC.TS. Bùi Kim Hiếu ThS. Lê Thị Minh Nguyệt	Cơ hữu Cơ hữu
90	2311462		Pháp luật về đấu thầu	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng

				ThS. Từ Thanh Thảo	
91	2311472		Pháp luật về điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Võ Thanh Bình Em	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu
92	2311522		Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	ThS. Cao Tuấn Nghĩa ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thảo ThS. Võ Thanh Bình Em ThS. Từ Thanh Thảo	Cơ hữu Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng
93	2311532		Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	ThS. Phan Thị Tường Vi ThS. Dương Minh Truyền ThS. Bùi Kim Dung TS. Phan Phương Nam ThS. Nguyễn Thị Thương	Cơ hữu Cơ hữu Mời giảng Mời giảng Mời giảng

94	2311542		Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách	ThS. Dương Minh Truyền ThS. Phạm Hữu Nghĩa ThS. Phạm Thị Hồng My TS. Nguyễn Bá Sơn ThS. Vũ Lê Hải Giảng	Cơ hữu Cơ hữu – Phòng CT-TC-CTSV Mời giảng Cơ hữu Ban Pháp chế Mời giảng
95	2311552		Pháp luật về quảng cáo, hội trợ, triển lãm quốc tế	TS. Nguyễn Bá Sơn ThS. Vương Tuyết Linh	Cơ hữu Ban Pháp chế Mời giảng
96	2311562		Chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam	TS. Nguyễn Bá Sơn ThS. Vương Tuyết Linh	Cơ hữu Ban Pháp chế Mời giảng
97	2311572		Pháp luật về cộng đồng Asean	ThS. Phạm Hữu Nghĩa ThS. Phạm Thị Hồng My ThS. Vũ Lê Hải Giảng	Cơ hữu – Phòng CT-TC-CTSV Mời giảng Mời giảng
98	2311582		Pháp luật về Liên minh Châu Âu	ThS. Dương Minh Truyền	Cơ hữu

				ThS. Vũ Lê Hải Giang	Mời giảng
				ThS. Phạm Thị Hồng My	Mời giảng
				TS. Nguyễn Bá Sơn	Cơ hữu Ban Pháp chế

### ***II.2.7. Mô tả các học phần:***

#### **1. Triết học Mác – Lênin: 03 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra. Học phần bao gồm 2 lĩnh vực chính:

- Những nguyên lý, quy luật, phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Những quy luật, những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

#### **2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước. Học phần bao gồm:

- Những nội dung cơ bản về lý luận kinh tế chính trị: Nguồn gốc, quá trình hình thành kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lý luận về hàng hóa - tiền tệ và giá trị thặng dư; về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

- Các nội dung của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Thời kỳ quá độ và các nội dung nhiệm vụ kinh tế - chính trị, sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta đối với các nhiệm vụ, nội dung của thời kỳ quá độ.

### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 02 tín chỉ**

Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Môn học bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

### **4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 02 tín chỉ**

Giúp cho sinh viên nhận rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; một đảng phấn đấu vì độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Góp phần bồi dưỡng sinh viên về phương pháp, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sống và chiến đấu vì nhân dân, vì Tổ quốc.

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

### **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng



góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

### **6. Tiếng Anh cơ bản 1: 04 tín chỉ**

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ cấp (tương đương chuẩn cấp độ 1/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### **7. Tiếng Anh cơ bản 2: 4 tín chỉ**

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 2/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### **8 Tiếng Anh cơ bản 3: 4 tín chỉ**

Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) cho sinh viên trong ngữ cảnh giao tiếp xã hội, khoa học, văn hóa, giáo dục, đạt trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh trình độ trung cấp (tương đương chuẩn cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ quốc gia theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

### **9. Kinh tế học: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế học hiện đại (Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô). Học phần bắt đầu bằng việc giới thiệu những vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế và những phương pháp của khoa học kinh tế. Tiếp đó là phân tích cơ bản về một trong những nội dung quan trọng nhất của kinh tế thị trường – cầu, cung, giá cả cân bằng và thực chất của sự điều tiết của cơ chế thị trường cũng như việc Chính phủ tác động và các thị trường. Trên quan điểm phân tích chi phí và lợi ích, học phần đi sâu giải thích hành vi của doanh nghiệp trên các thị trường nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Học phần dành một phần quan trọng để luận giải các vấn đề của toàn bộ hệ thống kinh tế. Đó là các vấn đề tổng cầu, tổng cung, sản lượng quốc gia, thất nghiệp và lạm phát. Trên nền tảng này, học phần tập chung luận giải việc sử dụng các công cụ chính sách

của Chính phủ (chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương) nhằm ổn định và tăng trưởng kinh tế.

#### **10. Logic học đại cương: 02 tín chỉ**

Logic học - phần logic hình thức (trong chương trình chỉ nghiên cứu phần này) là môn khoa học nghiên cứu về các hình thức và quy luật của tư duy nhằm nhận thức đúng đắn thế giới hiện thực khách quan. Trước hết, học phần làm rõ bản chất của khái niệm tư duy và tư duy logic; đối tượng, phương pháp nghiên cứu, khái lược lịch sử và ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học; Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm, kết cấu logic của các hình thức tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận; Phân tích và chứng minh các thao tác, các quy tắc logic; Làm rõ nội dung, cơ sở khách quan, yêu cầu và ý nghĩa của quy luật tư duy logic; Làm rõ về bản chất và vai trò của giả thuyết, chứng minh, bác bỏ. Ngoài ra, trong mỗi vấn đề, khi học xong phần lí thuyết đều có sự vận dụng những kiến thức logic vào cuộc sống, nhất là vận dụng trong lĩnh vực hoạt động pháp luật.

#### **11. Tài chính doanh nghiệp: 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý của các doanh nghiệp, đặc biệt trình độ quản lý tài chính khi nền kinh tế chuyển sang nền kinh tế thị trường; đòi hỏi các doanh nghiệp phải từng bước thích ứng được những đòi hỏi với các nhân tố mới cả ở vĩ mô và vi mô. Những kiến thức về quản lý tài chính trong doanh nghiệp là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo sinh viên các trường đại học kinh tế cũng như các ngành có liên quan đến kinh tế, trong đó có ngành luật kinh doanh. Học phần tài chính doanh nghiệp bao gồm các nội dung: tổng quan tài chính doanh nghiệp (TCDN); thời giá của tiền tệ; định giá cổ phiếu trái phiếu; phân tích và hoạch định tài chính; cơ cấu vốn; quyết định đầu tư; quản lý vốn lưu động.

#### **12. Lịch sử học thuyết kinh tế: 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử tư tưởng kinh tế nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và chuyển hóa của tư tưởng kinh tế được thể hiện qua các chính sách, các điều luật, các tác phẩm kinh tế... Bắt đầu từ thời Cổ đại với những tư tưởng kinh tế Hy Lạp, Trung Quốc .. sang Chủ nghĩa Trọng thương đã phát triển thành học thuyết kinh tế và thành khoa học kinh tế bắt đầu từ Phái Cổ điển. Sau học thuyết của A.Smith, tư tưởng

kinh tế chia thành các khuynh hướng khác nhau, trong đó có hai khuynh hướng chính. Một là thừa nhận và nghiên cứu sự thống nhất các mối liên hệ bên trong và bên ngoài của các sự vật và quan hệ kinh tế. Hai là chỉ thừa nhận và nghiên cứu mối liên hệ bên ngoài. Lịch sử khoa học kinh tế thực chất là lịch sử phát triển của các khuynh hướng này. Đó là khuynh hướng Mác, Mácxít và Tân Cổ điển, Keynes, Chủ nghĩa tự do mới...

### **13. Lịch sử học thuyết chính trị: 02 tín chỉ**

Lịch sử các học thuyết chính trị cung cấp những tri thức cơ bản về quá trình nảy sinh, hình thành, phát triển, thay thế lẫn nhau của những tư tưởng, quan điểm, học thuyết chính trị tiêu biểu trong lịch sử nhân loại qua các thời đại (cổ đại, trung cổ, cận đại và hiện đại) và lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam

### **14. Lý thuyết tài chính – tiền tệ: 02 tín chỉ**

Lý thuyết Tài chính – tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính – tiền tệ như: tổng quan về tài chính – tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, ljam phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng.

### **15. Quản trị học: 2 tín chỉ**

Hệ thống kiến thức cấu thành nội dung học phần quản trị học bao gồm: Vai trò của quản trị trong nền kinh tế hiện đại; sự phát triển của lý thuyết quản trị; các chức năng quản trị, các công việc của nhà quản trị trong một tổ chức (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra); truyền đạt thông tin trong quản trị; quá trình ra quyết định quản trị; quản trị rủi ro.

### **16. Tâm lý học đại cương: 02 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, qui luật và cơ chế tâm lý của các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các yếu tố cơ bản

trong sự hình thành và phát triển nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đề phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỉ XXI.

### **17. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 02 tín chỉ**

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng.

Môn học gồm 3 nhóm vấn đề chính: 1) Các kiến thức về văn hoá học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các công cụ định vị văn hoá v.v.. 2) Vận dụng những kiến thức cơ bản của văn hoá học để khắc hoạ diện mạo của Văn hoá Việt Nam với những nét bản sắc. 3) Tiến trình hình thành và phát triển của văn hoá Việt Nam và sự đối mặt của văn hoá Việt Nam trước bối cảnh toàn cầu hoá.

### **18. Tin học đại cương: 3 tín chỉ**

Học phần Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng sử dụng hệ điều hành Windows để tạo, mở, đóng, sao chép, di chuyển, tìm kiếm folder và file. Sử dụng công cụ Word, Excel để soạn thảo, trang trí văn bản, cũng như tạo các bảng tính để hỗ trợ các công việc trong thực tế. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có đầy đủ kiến thức và kỹ năng để thi chứng chỉ quốc tế Microsoft Office Specialist (MOS).

### **19. Lý luận về nhà nước và pháp luật: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thức, chức năng, bộ máy nhà nước, mối quan hệ nhà nước và cá nhân; mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật và kinh tế, văn hóa, xã hội. Hệ thống các kiến thức cơ bản về pháp luật bao gồm: thuộc tính, chức năng, hình thức, nguồn và nguyên tắc pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước với các phương tiện điều chỉnh, thiết chế xã hội khác; nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự. Nội dung học phần đề cập các vấn đề cơ bản về cơ chế điều chỉnh pháp luật; hoạt động xây dựng và thực hiện, áp dụng pháp luật; ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật. Các nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền, hệ thống pháp luật trong bối cảnh bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

### **20. Những vấn đề chung về Luật Dân sự: 2 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Luật dân sự - một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật dân sự quy định địa vị pháp lý, chuẩn

mục pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể về nhân thân và tài sản trong các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự); Luật dân sự có nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; bảo đảm sự bình đẳng và an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, góp phần tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh xã hội.

### **21. Quyền sở hữu và thừa kế: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản về tài sản và thừa kế - những lĩnh vực luật tư cơ bản và điển hình nhất. Nội dung của học phần bao gồm các lý thuyết về luật tài sản như tài sản, phân loại tài sản, quyền sở hữu và các vật quyền khác, các hình thức sở hữu.. và nội dung cơ bản về luật thừa kế.

### **22. Luật Hiến pháp: 03 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về luật hiến pháp - luật quy định về chế độ chính trị dân chủ ở Việt Nam hiện nay; các cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của Hiến pháp đang hiện hành, có đối chiếu với các cách thức tổ chức và hoạt động của các nước trên thế giới. Đó là một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công và phối kết hợp giữa 3 quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

### **23. Luật Hình sự phần chung: 2 tín chỉ**

Luật hình sự phần chung là môn học chuyên ngành luật quan trọng, được thiết kế dành cho sinh viên; cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, TNHS và hình phạt là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Module này gồm 15 vấn đề với 3 tín chỉ. Bao gồm những nội dung: 1. Khái niệm luật hình sự và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam; 2. Nguồn của luật hình sự Việt Nam; 3. Tội phạm; 4. Các yếu tố của tội phạm và cấu thành tội phạm; 5. Khách thể của tội phạm; 6. Mặt khách quan của tội phạm; 7. Chủ thể của tội phạm; 8. Mặt chủ quan của tội phạm; 9. Các giai đoạn thực hiện tội phạm; 10. Đồng phạm; 11. Các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp; 13. Quyết định

hình phạt; 14. Các chế định liên quan đến việc chấp hành hình phạt; 15. Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội.

#### **24. Luật Hình sự phân các tội phạm cụ thể: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức các tội phạm của luật hình sự Việt Nam bao gồm: các tội xâm phạm quyền nhân thân của con người; các tội phạm xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của nhà nước cũng như trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng nhóm tội phạm.

#### **25. Luật lao động; 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về luật Lao động như: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của luật Lao động Việt Nam; Học và dạy nghề; Khái niệm, ý nghĩa, nội dung, hình thức và giao kết hợp đồng lao động; Hợp đồng lao động vô hiệu; Cho thuê lại lao động; Một số vấn đề pháp lý về tiền lương; Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; An toàn và vệ sinh lao động; Trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất; Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; Đình công và giải quyết các cuộc đình công.

#### **26. Luật hành chính: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Ngành Luật hành chính; quản lý nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm soát (giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán), đối với hoạt động quản lý nhà nước; giải quyết tranh chấp pháp lý phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước. Những kiến thức này là cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả, hiệu lực và bảo hộ tích cực các quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý nhà nước. Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Luật tố tụng hành chính, Xây dựng văn bản pháp luật, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật lao động, Luật môi trường và Luật hôn nhân và gia đình.

## **27. Luật đất đai: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lý luận và thực tiễn về quyền của người sử dụng đất trên cơ sở nghiên cứu các chế độ pháp lý cụ thể, từ đó bao quát các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, pháp luật về nhà ở và các loại đất có thể tham gia vào thị trường bất động sản.

## **28. Nhập môn Luật học: 2 tín chỉ**

Học phần nghiên cứu về các chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những cá nhân và tổ chức hành nghề luật, trong đó trọng tâm nghiên cứu là các tiêu chuẩn đạo đức đối với luật sư và thẩm phán. Học phần cũng nghiên cứu mối quan hệ giữa các chuẩn mực đạo đức nghề luật với sự biến động không ngừng của các hiện tượng xã hội. Đạo đức nghề luật là một trong những học phần về đạo đức nghề nghiệp. Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp cho sinh viên ngành luật kinh tế những kiến thức bổ trợ cần thiết để có thái độ đúng đắn khi tiếp cận nghiên cứu các ngành khoa học luật và hành nghề luật trong tương lai.

## **29. Luật hôn nhân và gia đình: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam - một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân là chủ thể của quan hệ hôn nhân và gia đình; quyền và nghĩa vụ của các cá nhân về nhân thân và tài sản trong các quan hệ hôn nhân và gia đình, có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong quan hệ hôn nhân và gia đình, đặc biệt là trẻ em.

## **30. Luật tố tụng dân sự: 3 tín chỉ**

Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại tòa án.

Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...

### **31. Luật tố tụng hình sự: 2 tín chỉ**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về luật tố tụng hình sự Việt Nam bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự và quá trình phát triển của Luật tố tụng hình sự Việt Nam; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự; các biện pháp ngăn chặn được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; trình tự khởi tố; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự; giám đốc thẩm, tái thẩm; thủ tục giải quyết vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên; thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; thủ tục rút gọn trong việc giải quyết vụ án hình sự và những vấn đề về khiếu nại, tố cáo.

### **32. Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: 2 tín chỉ**

Môn học “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” cung cấp cho sinh viên những kiến thức xác định các trường hợp nào phải bồi thường thiệt hại như căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường, các trường hợp không phải bồi thường, các nguyên tắc bồi thường thiệt hại, các loại trách nhiệm, xác định thiệt hại và phương thức bồi thường thiệt hại; ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể..

### **33. Luật an sinh xã hội: 2 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về pháp luật an sinh xã hội như: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật an sinh xã hội; Quan hệ pháp luật an sinh xã hội; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y



tế; Ưu đãi xã hội; Cứu trợ xã hội; Tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp an sinh xã hội.

### **34. Công pháp quốc tế: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên ngành luật những kiến thức về các nguyên tắc cơ bản và các quy phạm pháp luật quốc tế, được xây dựng dựa trên sự nhất trí và tự nguyện của các quốc gia-chủ thể cơ bản của luật quốc tế. Học phần này có thể chia ra làm hai phần: phần chung và phần riêng. Phần chung giới thiệu những lý thuyết cơ bản của công pháp quốc tế như: các nguyên tắc cơ bản; các học thuyết của các học giả; chủ thể của luật quốc tế; lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế; và sự ảnh hưởng của luật quốc tế đối với pháp luật quốc gia. Phần riêng đề cập đến những vấn đề cụ thể trong quan hệ quốc tế giữa các quốc gia như: luật biển quốc tế; luật nhân đạo quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; và luật hình sự quốc tế...

### **35. Tư pháp quốc tế: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về TPQT với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; sở hữu; hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; lao động; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.

### **36. Luật môi trường: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức căn bản về pháp luật môi trường như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các nguyên tắc căn bản, những nội dung chính của một lĩnh vực rộng lớn, phức tạp liên quan rất nhiều tới tất cả các hoạt động của các chủ thể trong xã hội. Đó là những nội dung về đánh giá tác động môi trường, nguyên lý phát triển bền vững, các nguyên tắc và biện pháp phòng chống và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, tiêu chuẩn môi trường, quản lý chất thải và chất thải nguy hại. Ngoài ra, về mặt thực tiễn, học phần bước đầu còn

trang bị cho sinh viên một số kỹ năng phát hiện, tư vấn và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn cuộc sống, khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế.

### **37. Quan hệ kinh tế quốc tế: 3 tín chỉ**

Quan hệ kinh tế quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ kinh tế giữa các thực thể công (quốc gia, các tổ chức kinh tế quốc tế) và các thực thể tư (cá nhân, pháp nhân) và một số chủ thể khác, thể hiện ở sự trao đổi quốc tế về hàng hoá, dịch vụ, vốn, khoa học - công nghệ, sức lao động, sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia, các thiết chế và chính sách điều chỉnh các quá trình trao đổi quốc tế nói trên.

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương ngành Luật thương mại quốc tế, được tiếp cận dưới góc độ là học phần “liên ngành” (bao gồm kinh tế học, kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, khoa học chính trị, pháp luật thương mại quốc tế...), cùng với học phần Tổng quan về kinh doanh quốc tế, cung cấp những kiến thức đại cương và nền tảng để giúp sinh viên có thể tiếp cận tốt những học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp của ngành Luật thương mại quốc tế (như Luật WTO, Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế, Pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế, Luật đầu tư quốc tế...). Tương tự, học phần này cũng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ kinh tế quốc tế, làm nền tảng và hỗ trợ cho việc nghiên cứu những học phần luật và lĩnh vực pháp luật có liên quan đến kinh tế quốc tế như Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Pháp luật cộng đồng ASEAN... trong chương trình đào tạo ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần còn giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá để tìm hiểu những diễn biến kinh tế trên thế giới cũng như công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

### **38. Xã hội học pháp luật: 02 tín chỉ**

Xã hội học pháp luật là ngành xã hội học chuyên biệt, nghiên cứu các quy luật và tính quy luật của quá trình phát sinh, tồn tại, hoạt động của pháp luật trong xã hội, trong mối liên hệ với các loại chuẩn mực xã hội khác, nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật, các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật. Là môn học thuộc khối kiến thức đại cương, xã hội học pháp luật cung cấp, trang bị cho sinh viên luật cách tiếp cận mới - tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng

pháp luật xảy ra trong xã hội thông qua việc áp dụng các phương pháp điều tra xã hội học để thu thập, xử lý và phân tích các thông tin thực nghiệm làm sáng tỏ nguồn gốc, nguyên nhân, bản chất của chúng. Xã hội học pháp luật cũng giới thiệu các trào lưu nghiên cứu pháp luật trên thế giới để giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh với luật học trong nước; làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức; phân tích, làm nổi bật các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật trong thực tế xã hội ở nước ta hiện nay.

Việc học tập, nghiên cứu xã hội học pháp luật chắc chắn sẽ mang lại cho sinh viên luật nhiều điều lí thú, bổ ích, phục vụ thiết thực, trực tiếp cho quá trình học tập và nghiên cứu các môn khoa học pháp lí.

### **39. Luật so sánh: 2 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung sau: Những vấn đề chung về luật so sánh; Truyền thống pháp luật La Mã – Đức; các cơ quan tài phán theo luật công và luật tư, Nguồn luật của các hệ thống pháp luật thuộc truyền thống pháp luật La Mã – Đức; Truyền thống pháp luật Common Law; Truyền thống pháp luật XHCN; Truyền thống pháp luật Hồi giáo; Hệ thống pháp luật của Pháp luật Trung Quốc và Nhật Bản; Hệ thống pháp luật của một số nước Asean.

### **40. Kỹ năng soạn thảo văn bản: 2 tín chỉ**

Môn học “Kỹ năng soạn thảo văn bản” cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại văn bản pháp luật trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam, ý nghĩa ban hành, thẩm quyền ban hành, hiệu lực của văn bản; những kiến thức về thể thức một văn bản và kỹ thuật soạn thảo một số văn bản thông dụng như văn bản của Hội đồng nhân dân, của Ủy ban nhân dân, công văn hành chính, tờ trình, báo cáo.

### **41. Pháp luật về Hợp đồng: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên lý nền tảng về luật nghĩa vụ- một trong những lĩnh vực đặc trưng và quan trọng nhất của luật tư. Nội dung của học phần gồm các nội dung cơ bản chung về nghĩa vụ, về luật hợp đồng, và các căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ khác.

#### **42. Luật đầu tư: 2 tín chỉ**

Môn học luật đầu tư trước hết giới thiệu tới sinh viên các quy định pháp luật cơ bản điều chỉnh các hoạt động đầu tư bao gồm các vấn đề trong quản lý nhà nước về đầu tư như bảo đảm đầu tư, khuyến khích đầu tư, những kiến thức về triển khai dự án đầu tư cũng như giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong mỗi dự án đầu tư. Môn học bao gồm các nội dung: Tìm hiểu về quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư; Các loại hình và đặc điểm pháp lý của hoạt động đầu tư; Tìm hiểu về các biện pháp khuyến khích đầu tư; Tìm hiểu về các chế tài đối với hành vi vi phạm trong hoạt động đầu tư; Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm trong việc tiếp xúc, xử lý những vấn đề pháp lý về đầu tư từ những hồ sơ thực tế.

#### **43. Pháp luật về các loại hình thương nhân: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về chủ thể kinh doanh, các cấu phần của lĩnh vực pháp luật này và tập trung vào pháp luật về chủ thể kinh doanh, bao gồm cá nhân kinh doanh, hợp danh và các công ty. Môn học cũng trao đổi các quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại

#### **44. Pháp luật về hoạt động thương mại: 3 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng trong Luật thương mại bao gồm việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động xúc tiến thương mại, trung gian thương mại, đấu giá hàng hóa, đấu thầu hành hóa dịch vụ, nhượng quyền thương mại và các hoạt động thương mại khác nhằm mục đích lợi nhuận hoặc thực hiện chính sách kinh tế – xã hội

#### **45. Luật cạnh tranh: 2 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cạnh tranh và chính sách, pháp luật cạnh tranh. Học phần có thể giúp người học nhận diện và phân tích, đánh giá được các hành vi hạn chế cạnh tranh, bao gồm: thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền và tập trung kinh tế; nhận diện và phân tích được các hành vi cạnh tranh không lành mạnh; nắm được các quy định về mô hình quản lý cạnh tranh ở VN so sánh với tương quan một số nước trên thế giới; nắm được quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh; nắm được quy định pháp luật về

xử lý vi phạm pháp luật tranh tranh...Ngoài ra, học phần còn giúp người học hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật cạnh tranh; bước đầu làm quen một số kỹ năng đánh giá thị trường sản phẩm liên quan, thị trường hàng hoá liên quan, cách thức xác định thị phần và thị phần kết hợp làm cơ sở cho việc giải quyết các vụ việc cạnh tranh và có được những kỹ năng cơ bản về điều tra, thu thập chứng cứ.

#### **46. Pháp luật về Quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại: 2 tín chỉ**

Pháp luật về Quản lý Nhà nước trong hoạt động thương mại là môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về vai trò của nhà nước và cách thức Nhà nước đảm bảo hoạt động trong lĩnh vực thương mại được thực hiện phù hợp với lợi ích của thương nhân, của người tiêu dùng, của Nhà nước và của toàn xã hội. Ngoài vấn đề tổng quan về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại, môn học giới thiệu các nội dung cơ bản về quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh, quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật quản lý nhà nước về giá, quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán trong hoạt động thương mại và vai trò của nhà nước về đảm bảo công bằng trong hoạt động thương mại; Quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư; Xử phạt vi phạm hành chính trong sản xuất, thương mại và đầu tư.

#### **47. Pháp luật tài chính doanh nghiệp: 2 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho sinh viên các vấn đề chung về vốn và tài sản của công ty, quản lý đối với hoạt động tài chính doanh nghiệp; và những vấn đề cụ thể như: pháp luật về vốn điều lệ của doanh nghiệp; pháp luật về huy động vốn của doanh nghiệp; pháp luật về quản trị tài chính doanh nghiệp. Pháp luật tài chính doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý nghiên cứu quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng nguồn tài chính trong doanh nghiệp giúp người học giải quyết được các tình huống phát sinh trong hoạt động tài chính doanh nghiệp theo pháp luật. Học phần giúp người học có kiến thức nhất định để đánh giá hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, vận dụng pháp luật để thúc đẩy quá trình vận động của nguồn tài chính tạo ra lợi ích của chủ sở hữu và những người có lợi ích liên quan trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

#### **48. Luật kinh doanh bất động sản: 2 tín chỉ**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về nhà ở, quyền sở hữu nhà ở, các loại nhà và giao dịch về nhà ở; môn học cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp luật về các loại hình kinh doanh bất động sản, hợp đồng kinh doanh bất động sản

#### **49. Luật Kinh doanh bảo hiểm: 2 tín chỉ**

Luật kinh doanh bảo hiểm là môn học quan trọng thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế mà sinh viên luật cần nắm vững. Môn học cung cấp các kiến thức pháp luật cơ bản về hoạt động kinh doanh bảo hiểm - lĩnh vực hẹp của chuyên ngành luật tài chính-ngân hàng. Môn học gồm các nội dung chính sau đây: 1. Những vấn đề lí luận cơ bản về pháp luật kinh doanh bảo hiểm; 2. Địa vị pháp lí của các chủ thể kinh doanh bảo hiểm; 3. Địa vị pháp lí của trung gian bảo hiểm; 4. Những vấn đề chung về sản phẩm bảo hiểm; 5. Pháp luật về sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ; 6. Pháp luật về sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

#### **50. Luật thuế: 2 tín chỉ**

Luật Thuế cung cấp cho sinh viên những nội dung sau: khái niệm, vai trò và cách thức phân loại thuế; bản chất pháp lý của những yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế; các nguyên tắc và yêu cầu của việc xây dựng hệ thống pháp luật thuế Việt nam; vai trò, mục tiêu của các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt nam; những đặc trưng cơ bản của các sắc thuế: giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu-nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; nội dung quy định của pháp luật đối với các sắc thuế nêu trên; chế độ pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật thuế.

#### **51. Pháp luật về chứng khoán: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những vấn đề lí luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, làm rõ thị trường chứng khoán là một trong ba loại thị trường hợp thành thị trường tài chính là hết sức cần thiết cho sinh viên các trường đại học. Nếu như ở các nước phát triển trên thế giới như Mỹ, Anh, Nhật, thị trường chứng khoán và kèm theo nó là pháp luật về thị trường chứng khoán đã ra đời tương đối lâu và là bộ phận pháp luật không thể thiếu của khung pháp luật trong nền kinh tế thì ở Việt Nam, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán là một bộ phận pháp luật hết sức mới mẻ, chưa được

quan tâm nghiên cứu nhiều. Điều này được lý giải bởi thị trường chứng khoán ở Việt Nam là một phạm trù kinh tế mới xuất hiện không những về mặt lý thuyết mà cả về mặt thực tiễn.

## **52. Luật ngân hàng: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các vấn đề lý luận của Luật ngân hàng, nội dung điều chỉnh pháp lý của bộ phận pháp luật này, tạo tiền đề cơ bản cho sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực này, đồng thời giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về địa vị pháp lý của Ngân hàng Trung ương, của các tổ chức tín dụng, về thực trạng pháp luật hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng, tổ chức khác có hoạt động ngân hàng. Đây là các bộ phận pháp luật rất quan trọng, điều chỉnh các quan hệ kinh tế thuộc lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, thanh toán, ngoại hối. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, với sự đa dạng của các quan hệ phân phối, sự luân chuyển các nguồn vốn tiền tệ trong nền kinh tế, vai trò của Luật ngân hàng càng trở nên thiết thực hơn.

## **53. Pháp luật về trọng tài thương mại: 3 tín chỉ**

Môn học Pháp luật về Trọng tài thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án, đặc biệt là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại. Nội dung cụ thể bao gồm 03 nội dung: (1) Tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án; (2) Tổ tụng trọng tài thương mại tại Việt Nam; (3) Trọng tài thương mại quốc tế và một số nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những tình huống pháp lý xảy ra trong thực tế để sinh viên ứng dụng.

## **54. Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại: 2 tín chỉ**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: khái niệm và điều kiện bảo hộ đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ; trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ, nội dung và giới hạn quyền sở hữu trí tuệ; chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự và kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.

### **55. Pháp luật về giao dịch bảo đảm: 2 tín chỉ**

Giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Xét trong mối quan hệ với nghĩa vụ được bảo đảm thì giao dịch bảo đảm có mối quan hệ vừa phụ thuộc, vừa độc lập. Pháp luật hiện hành của Việt Nam đã quy định cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, đặt cọc, ký quỹ, ký cược, tín chấp là các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; đã quy định về cơ chế đăng ký giao dịch bảo đảm. Môn học pháp luật về giao dịch bảo đảm bao gồm các nội dung như sau: Một số vấn đề chung bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

### **56. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực công: 3 tín chỉ**

Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong lĩnh vực pháp lý nói chung và pháp luật công nói riêng. Môn học trước hết giới thiệu đến người học những từ vựng và cách sử dụng từ ngữ tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực luật công (bao gồm những lĩnh vực như luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự và các lĩnh vực khác khác liên quan đến quản lý nhà nước). Qua các bài học và bài tập tại lớp và ở nhà, người học được làm quen với các cấu trúc câu, các cách thể hiện ngôn ngữ pháp lý bằng tiếng Anh. Môn học cũng là cơ hội để người học củng cố lại các kiến thức pháp lý đã được học trong các môn học khác cũng như cải thiện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh nói chung.

Mục tiêu của học phần là giúp người học có một sự hiểu biết nhất định về pháp luật công, các nguyên tắc của luật công đồng thời có khả năng trình bày những hiểu biết của mình về pháp luật công bằng ngôn ngữ tiếng Anh. Qua những hoạt động trên lớp và các bài tập về nhà, người học được kỳ vọng làm quen với ngôn ngữ pháp lý và các cách thức sử dụng ngôn ngữ đặc thù của ngành luật. Người học bước đầu có thể đọc hiểu và làm việc trực tiếp trên các tài liệu được trình bày bằng tiếng Anh nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu các môn học khác và chuẩn bị cho công việc trong tương lai.

### **57. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực tư: 3 tín chỉ**

Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong lĩnh vực pháp lý nói chung và pháp luật tư nói riêng. Qua các bài học, bài tập trên lớp, người học trước hết được tiếp xúc với hệ thống các từ vựng được sử dụng phổ biến trong



các lĩnh vực luật tư (bao gồm luật dân sự, luật thương mại và các lĩnh vực pháp luật liên quan khác). Người học cũng có cơ hội được luyện tập, làm quen với các cấu trúc câu, cách thể hiện các loại văn bản đặc trưng trong những lĩnh vực liên quan như biên bản, hợp đồng các loại, thỏa thuận... bằng tiếng Anh. Môn học cũng tạo điều kiện cho sinh viên củng cố kiến thức về những lĩnh vực luật tư đã học ở các học phần khác cũng như củng cố các kỹ năng tiếng Anh trong học tập và tham gia các kỳ thi.

Kết thúc học phần, người học được trông đợi có thể đọc hiểu, nghe hiểu và làm việc trực tiếp trên những tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực luật tư. Người học cũng có thể trình bày những vấn đề pháp lý cơ bản về luật tư bằng ngôn ngữ tiếng Anh và tự tin xử lý các tài liệu hay tham gia vào các tình huống giao tiếp trong môi trường làm việc tương lai.

### **58. Tiếng Anh pháp lý trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp: 3 tín chỉ**

Môn học giúp người học củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong lĩnh vực pháp lý nói chung và lĩnh vực pháp luật tố tụng và giải quyết tranh chấp nói riêng. Chương trình học hướng người học làm quen với các từ vựng, các cấu trúc câu và các tình huống phổ biến trong tiến trình tố tụng tại tòa án (tố tụng dân sự, hình sự, hành chính) hoặc giải quyết tranh chấp trong quan hệ dân sự, thương mại, lao động bằng các hình thức khác. Thông qua các bài tập mô phỏng các tình huống tố tụng và giải quyết tranh chấp trong thực tế, người học không chỉ rèn luyện khả năng tiếng Anh mà còn có cơ hội củng cố, cải thiện các kiến thức pháp lý liên quan.

Kết thúc học phần, người học được kỳ vọng nhớ và sử dụng thành thạo các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh đặc thù của ngành luật cũng như có thể trình bày một số vấn đề cơ bản trong lĩnh vực tố tụng và giải quyết tranh chấp bằng tiếng Anh. Từ đó, người học cũng có thể tự tin tham gia vào các tình huống tố tụng/giải quyết tranh chấp bằng tiếng Anh trong tương lai.

### **59. Soạn thảo và dịch thuật văn bản pháp lý: 2 tín chỉ**

Môn học trang bị cho sinh viên những từ vựng, mẫu câu cũng như những nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ trong việc soạn thảo và dịch các văn bản trong lĩnh vực pháp lý như báo cáo, email, hợp đồng, biên bản .... Các văn bản trong ngành luật không chỉ cần bảo đảm tính chặt chẽ về mặt nội dung mà còn phải chính xác về mặt ngôn ngữ và chuẩn mực

trong cách trình bày. Các bài tập, bài học tập trung hướng người học đến việc kết hợp các kiến thức ngành luật đã được học với các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong soạn thảo hoặc dịch thuật văn bản. Người học được kỳ vọng có thể sử dụng tốt các kỹ năng tiếng Anh pháp lý và các kỹ năng mềm khác nhằm đáp ứng các yêu cầu của công việc và các ngành nghề như dịch thuật, soạn thảo và rà soát các hợp đồng, tài liệu pháp lý được trình bày bằng tiếng Anh.

#### **60. Pháp luật về công chứng, luật sư và thừa phát lại: 2 tín chỉ**

Pháp luật về công chứng, luật sư, thừa phát lại là môn học mang tính định hướng nghề nghiệp nên phải được học vào năm cuối trước khi đi thực tập sau khi đã học xong hầu hết các môn luật. Môn học trang bị cho học viên kiến thức cơ bản liên quan đến các hoạt động công chứng và Luật sư, thừa phát lại như: Chức năng, nhiệm vụ của công chứng; tiêu chuẩn công chứng viên và các thủ tục bổ nhiệm công chứng viên; Điều kiện và thủ tục hành nghề công chứng; Tổ chức hành nghề công chứng; Các thủ tục công chứng các hợp đồng, giao dịch; công chứng bản dịch, di chúc; Vị trí, vai trò của luật sư trong đời sống xã hội; Luật luật sư và các chế định cơ bản liên quan đến luật sư và nghề luật sư; Những quy định liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư; Những quy định về thù lao và chi phí; Tổ chức hành nghề luật sư; Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; Pháp luật về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại.

#### **61. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu: 2 tín chỉ**

Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu là môn học tự chọn đối với sinh viên ngành Luật Kinh tế. Đây là môn học chuyên ngành nhằm mở rộng kiến thức về pháp luật hải quan và nghiệp vụ hải quan cho sinh viên ngành luật Luật Kinh tế.

Đối với các nội dung trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những quy định của điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam là thành viên và những quy định của pháp luật hải quan Việt Nam hiện hành có đối chiếu so sánh với pháp luật hải quan một số nước trên thế giới và khu vực để thấy được sự tương đồng và sự khác biệt của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan, như xác định trị giá hải quan, xác định xuất xứ hàng hóa... đối với hàng hóa XNK.

## **62. Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế: 2 tín chỉ**

Môn học hợp đồng thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế cũng như pháp luật điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế và các giao dịch kinh doanh quốc tế. Đối với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: Tổng quan về hợp đồng thương mại quốc tế; Tự do hợp đồng; Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Hợp đồng đại lí và phân phối sản phẩm quốc tế; Logistics quốc tế; Hoạt động thanh toán quốc tế; Bảo hiểm hàng hoá trong thương mại quốc tế.

## **63. Pháp luật về Quản trị nhân sự: 2 tín chỉ**

Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp là môn học pháp lí ứng dụng. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và kĩ năng tư vấn về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp. Môn học cung cấp những kiến thức lí luận về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp nói chung và kĩ năng xây dựng công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực; tuyển dụng, bố trí lao động; đào tạo, phát triển, đánh giá nhân sự; chế độ thù lao, khuyến khích tài chính.

## **64. Pháp luật thương mại điện tử: 2 tín chỉ**

Môn học pháp luật thương mại điện tử cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại điện tử Nội dung cơ bản của môn học: Khái quát về thương mại điện tử và pháp luật điều chỉnh; Giao kết, thực hiện hợp đồng thương mại điện tử và chữ ký số; Chứng cứ trong giao dịch điện tử; Khái quát về quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; Vấn đề bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong thương mại điện tử.

## **65. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 2 tín chỉ**

Luật bảo vệ NTD là học phần cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD. Học phần Luật bảo vệ NTD nghiên cứu 5 nội dung sau: (1) Những vấn đề lí luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD; (2) Các thiết chế bảo vệ quyền lợi NTD; (3) Trách nhiệm của tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với NTD; (4) Chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD; (5) Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với thương nhân.

## **66. Kỹ năng đàm phán soạn thảo hợp đồng thương mại: 2 tín chỉ**

Kỹ năng đàm phán, soạn thảo Hợp đồng thương mại là môn học pháp lý chuyên ngành, cung cấp các khía cạnh pháp lý và những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về đàm phán, soạn thảo Hợp đồng thương mại. Môn học được thiết kế gồm 6 vấn đề: Tổng quan về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại; Nguyên tắc, kiểu, hình thức và các giai đoạn đàm phán HĐ trong HĐTM; Khái quát về văn bản hợp đồng thương mại và yêu cầu của soạn thảo HĐTM; Cách thức soạn thảo HĐ trong HĐTM và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo HĐ trong HĐTM; Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng phổ biến trong hoạt động thương mại; Soạn thảo một số hợp đồng thương mại

### **67. Kỹ năng giải quyết tranh chấp Thương mại: 2 tín chỉ**

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia vào hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại. Học phần tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp thương mại ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong các hình thức giải quyết tranh chấp: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án.

### **68. Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong Tố tụng dân sự: 2 tín chỉ**

Môn học Kỹ năng tư vấn và bảo vệ quyền lợi trong tố tụng dân sự là môn học mang tính định hướng nghề nghiệp nên phải được học vào năm cuối trước khi đi thực tập sau khi đã học xong hầu hết các môn luật. Nội dung cụ thể bao gồm các nội dung chính sau: (1) Kỹ năng nghiệp vụ trong tư vấn và bảo vệ quyền lợi trong tố tụng đối với các vụ việc/vụ án dân sự: kỹ năng tiếp xúc khách hàng, kỹ năng viết, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng đại diện trong và ngoài tố tụng ...; (2) Logic trong suy luận pháp lý: các phương pháp suy luận thường dùng trong luật học; (3) Nhiệm vụ, tiêu chuẩn và phẩm chất cần có của người luật sư/tư vấn viên pháp luật.

Môn học cũng cung cấp cho sinh viên những tình huống thực tiễn, những bài tập thực hành để sinh viên ứng dụng.

### **69. Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực đất đai: 2 tín chỉ**

Môn học Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai là môn học mang tính ứng dụng cao. Môn học giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy,

phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai.

Môn học cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế từ đơn giản đến phức tạp; Môn học nhằm hướng tới trang bị cho sinh viên sau khi ra trường có kỹ năng và kiến thức cần thiết trong lĩnh vực đất đai và các lĩnh vực khác có liên quan để làm việc được trong các công ty tư vấn luật, các văn phòng luật sư, các văn phòng công chứng, các trung tâm trợ giúp pháp lý, làm pháp chế cho các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế, các cơ quan nhà nước v.v.

### **70. Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động: 2 tín chỉ**

Kỹ năng giải quyết vụ án lao động là học phần pháp lý ứng dụng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng giải quyết vụ án lao động. Học phần cung cấp những kiến thức lí luận cũng như kỹ năng về giải quyết vụ án lao động như kỹ năng khởi kiện, thụ lý vụ án lao động, kỹ năng chuẩn bị xét xử vụ án lao động (như kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng thu thập chứng cứ và kỹ năng hòa giải), kỹ năng giải quyết vụ án lao động tại phiên tòa sơ thẩm phiên tòa sơ thẩm, kỹ năng quyết vụ án lao động ở cấp phúc thẩm và kỹ năng giải quyết vụ án lao động ở cấp giám đốc thẩm và tái thẩm

### **71. Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh: 2 tín chỉ**

Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia vào hoạt động xử lý vụ việc cạnh tranh. Môn học tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết vụ việc cạnh tranh ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong quá trình xử lý vụ việc cạnh tranh từ thụ lý hồ sơ khiếu nại, điều tra, ra quyết định xử lý, miễn trừ và giải quyết khiếu nại đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

### **72. Pháp luật về kế toán: 2 tín chỉ**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kế toán tại đơn vị kế toán. Môn học gồm năm nội dung lớn như sau: Những vấn đề chung về kế toán và pháp luật kế toán; Chế độ pháp lý về bộ máy kế toán và người làm kế toán; Chế độ pháp

lý về công tác kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán; Quản lý nhà nước về hoạt động kế toán

### **73. Luật thuế quốc tế: 2 tín chỉ**

Mục đích của môn Luật thuế quốc tế là trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, thực tiễn về pháp luật thuế quốc tế. Trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức vào các hoạt động nghề nghiệp thực tiễn như cố vấn về thuế. Môn học gồm năm nội dung lớn như sau: Những vấn đề chung về thuế quốc tế; Một số chế định thuế quốc tế; Pháp luật thuế của một số quốc gia trong khu vực

### **74. Quản trị ngân hàng thương mại: 2 tín chỉ**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về quản trị ngân hàng thương mại. Môn học sẽ giúp sinh viên có thể đánh giá được khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại, cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị tài sản – nợ của ngân hàng thương mại, từ đó giới thiệu các cách tiếp cận việc quản trị tài sản – nợ khác nhau của hệ thống ngân hàng quốc tế. Bên cạnh đó, môn học cung cấp thêm những vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của ngân hàng thương mại như quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản... của các ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường. Môn học gồm năm nội dung lớn như sau: Tổng quan về quản trị ngân hàng thương mại; Phân tích hoạt động ngân hàng; Quản lý thu nhập lãi và thu nhập ngoài lãi; Quản trị Rủi ro lãi suất; Quản trị thanh khoản; Quản trị vốn của ngân hàng

### **75. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: 2 tín chỉ**

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về quản trị ngân hàng thương mại. Môn học sẽ giúp sinh viên có thể đánh giá được khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại, cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị tài sản – nợ của ngân hàng thương mại, từ đó giới thiệu các cách tiếp cận việc quản trị tài sản – nợ khác nhau của hệ thống ngân hàng quốc tế. Bên cạnh đó, môn học cung cấp thêm những vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của ngân hàng thương mại như quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản... của các ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường. Môn học gồm năm nội dung lớn như sau: Tổng quan về quản trị ngân

hàng thương mại; Phân tích hoạt động ngân hàng; Quản lý thu nhập lãi và thu nhập ngoài lãi; Quản trị Rủi ro lãi suất; Quản trị thanh khoản; Quản trị vốn của ngân hàng

### **76. Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại: 2 tín chỉ**

Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại là học phần pháp lí ứng dụng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và kỹ năng tư vấn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại và đầu tư. Học phần cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại nói chung và kỹ năng tư vấn từng loại việc cụ thể trong lĩnh vực thương mại nói riêng như: Tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; Tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp; Tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; Tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng Tư vấn pháp luật về đầu tư; Tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản...

### **77. Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế: 2 tín chỉ**

Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế là cung cấp cho người học về kiến thức chung của hoạt động tư vấn pháp luật thuế và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế cho DN. Các kỹ năng này được thực hành trên cơ sở tuân thủ các qui định của pháp luật và tối ưu các khoản tiết kiệm thuế. Cũng như cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về để nhận thức và vận dụng các kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các quan hệ tài chính DN, tập trung vào các nội dung về tạo lập và sử dụng vốn, quản lí tài sản, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của DN

### **78. Luật thi hành án dân sự: 3 tín chỉ**

Học phần LTHADS là học phần cơ bản của chương trình đào tạo đại học luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lí luận về LTHADS, nội dung các quy định của pháp luật THADS và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án bao gồm: Khái niệm chung về LTHADS; xã hội hoá THADS, các nguyên tắc cơ bản của LTHADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức THADS, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; thời hiệu, thẩm quyền và trình tự, thủ tục THADS; các biện pháp

bảo đảm và cưỡng chế THADS; miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong THADS, phí và chi phí cưỡng chế THADS; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm trong THADS.

### **79. Luật tài chính công: 2 tín chỉ**

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật về tài chính công như pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về thuế. Qua môn học này, người học sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng về chính sách tài chính công cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động tài chính công của Việt Nam.

### **80. Pháp luật về Liên minh Châu Âu: 2 tín chỉ**

Pháp luật Liên minh châu Âu là học phần cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản và chuyên ngành về Liên minh châu Âu và pháp luật của Liên minh châu Âu. Học phần gồm 5 nhóm vấn đề chính: 1) Luật thể chế của Liên minh châu Âu; 2) Luật tư pháp và nội vụ; 3) Luật kinh tế; 4) Chính sách và pháp luật đối ngoại; 5) Quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu. Thông qua những vấn đề này, học phần không những cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản của pháp luật Liên minh châu Âu, mà còn trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề pháp lý cụ thể của Liên minh châu Âu trong một số lĩnh vực quan trọng như: Không gian Strengen, nhập cư, thị thực, hợp tác cảnh sát, thị trường nội địa, đồng tiền chung châu Âu...

### **81. Pháp luật cộng đồng ASEAN: 2 tín chỉ**

Môn học Pháp luật Cộng đồng ASEAN là môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Môn học nhằm nâng cao hiểu biết của học viên về Cộng đồng Asean, những quy định pháp luật của ASEAN trong mối quan hệ với pháp luật của quốc gia thành viên và trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực. Khi liên kết ASEAN đang ngày càng trở nên mạnh mẽ, môn học hỗ trợ trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để học viên sẵn sàng cho quá trình hội nhập kinh tế trong tương lai.

### **82. Luật Thương mại Quốc tế: 2 tín chỉ**

Môn học luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Môn học bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Đối với môn học này, sinh viên



sẽ được trang bị các kiến thức về: (1) Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; (2) Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; (3) Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; (4) Thương mại dịch vụ và GATS; (5) Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; (6) Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; (7) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; (8) Pháp luật về thanh toán quốc tế; (9) Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

### **83. Luật WTO: 2 tín chỉ**

Học phần Luật WTO là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) - hệ thống pháp luật điều chỉnh quan hệ thương mại toàn cầu

### **84. Tập quán thương mại quốc tế: 2 tín chỉ**

Tập quán thương mại quốc tế là học phần nghiên cứu những tập quán điều chỉnh mối quan hệ pháp lý giữa các thương nhân trong hoạt động thương mại quốc tế. Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về tập quán thương mại quốc tế, giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời, học phần còn giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết tình huống cụ thể có liên quan đến tập quán thương mại quốc tế. Cụ thể, học phần sẽ đưa ra những case, tình huống phân tích làm rõ về việc vận dụng các tập quán như là nguồn luật giải quyết tranh chấp phát sinh giữa các thương nhân trong hoạt động thương mại quốc tế.

### **85. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế: 2 tín chỉ**

Giải quyết tranh chấp trong TMQT là môn học chuyên ngành bắt buộc đối với sinh viên ngành luật TMQT. Môn học cung cấp những kiến thức chuyên ngành sâu về giải quyết tranh chấp trong TMQT như: Kiến thức về thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa quốc gia và quốc gia; Kiến thức về thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa quốc gia và thương nhân; Kiến thức về thực tiễn giải quyết tranh chấp TMQT giữa thương nhân và thương nhân; Kiến thức về các vấn đề pháp luật, kinh tế, chính trị, ngoại giao trong việc giải quyết tranh chấp TMQT; Kỹ năng giải quyết khiếu nại đối với quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

### **86. Pháp luật về trọng tài thương mại quốc tế: 3 tín chỉ**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về trọng tài thương mại quốc tế với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp tư. Các vấn đề được nghiên cứu cụ thể bao gồm: Thẩm quyền, các loại trọng tài thương mại quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế trong mối tương quan với các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế khác, tổ tụng trọng tài thương mại quốc tế v.v.. Bên cạnh đó, môn học còn đề cập vấn đề luật áp dụng trong trọng tài thương mại quốc tế, vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

### **87. Kỹ năng nghiên cứu phân tích án lệ: 2 tín chỉ**

Học phần Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ trang bị cho SV năm thứ 3 một trong những kỹ năng cơ bản của các luật gia trong hệ thống *common law*, *civil law* và luật gia quốc tế, nhằm khẳng định năng lực làm việc của họ trong môi trường quốc tế. Học phần này nhằm trang bị cho SV các kỹ năng về nhận diện và áp dụng án lệ cũng như kỹ năng phân tích và lập luận trong hệ thống *common law*, *civil law* và trong pháp luật thương mại quốc tế.

### **88. Pháp luật về thanh toán quốc tế: 2 tín chỉ**

Học phần thanh toán quốc tế là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức cơ bản về thanh toán trong lĩnh vực thương mại quốc tế và pháp luật điều chỉnh về thanh toán trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

### **89. Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO: 2 tín chỉ**

*Các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO* là môn khoa học nghiên cứu về các *biện pháp khắc phục thương mại (Trade Remedies)* mà các quốc gia sử dụng để bảo hộ thương mại. Ngày nay, các hàng rào bảo hộ như thuế quan và các biện pháp phi thuế quan truyền thống đã và đang bị cắt giảm mạnh mẽ, nhưng thay vào đó là các biện pháp phi thuế quan hiện đại và tinh vi hơn, trong đó *biện pháp khắc phục thương mại* trở thành các hàng rào phi thuế quan lợi hại thường bị lạm dụng để biến thành công cụ bảo hộ thương mại linh hoạt của các quốc gia. Việc nghiên cứu và hiểu sâu sắc về *các biện pháp khắc phục thương mại* ở các thị trường xuất khẩu là một trong những yêu cầu quan trọng và cấp thiết đối với các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Học phần cung cấp cho người

học những nội dung thiết yếu về *các biện pháp khắc phục thương mại* trong Luật WTO, bao gồm các biện pháp về chống bán phá giá, chống trợ cấp, và tự vệ thương mại, được chia làm các nội dung chính sau: Tổng quan về các biện pháp khắc phục thương mại; Luật WTO về chống bán phá giá; Luật WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng; Luật WTO về tự vệ thương mại; Các biện pháp “khắc phục thương mại” và cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO

## **90. Luật đầu tư quốc tế: 2 tín chỉ**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về luật đầu tư quốc tế theo các công ước quốc tế, các hiệp định giữa các nước và hiệp định giữa Việt Nam với một số nước; giúp sinh viên nắm rõ các nguyên tắc của luật đầu tư quốc tế nói chung và hợp đồng ký kết giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính phủ nước tiếp nhận đầu tư; từ đó có cách nhìn tổng quát về xu hướng phát triển của hoạt động đầu tư quốc tế.

## **91. Các tổ chức kinh tế quốc tế**

Trong thực tiễn của thế giới toàn cầu hoá hiện nay, các tổ chức kinh tế quốc tế ngày càng có vai trò quan trọng. Do đó, việc tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, vai trò và vị trí của các tổ chức kinh tế quốc tế trong trật tự kinh tế thế giới ngày càng trở nên cần thiết. Học môn học này, sinh viên sẽ được giới thiệu và tìm hiểu sâu hơn các vấn đề: Khái quát hệ thống các tổ chức kinh tế quốc tế và sự cần thiết của quản trị kinh tế toàn cầu; Các tổ chức kinh tế quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc với nhiệm vụ hợp tác kinh tế toàn cầu; Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) với nhiệm vụ hợp tác tiền tệ quốc tế và hỗ trợ tài chính cho quản lý khủng hoảng nợ; Nhóm Ngân hàng thế giới (WB) với nhiệm vụ hỗ trợ tài chính cho phát triển; Các diễn đàn kinh tế toàn cầu và khu vực.

## **92. Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hoá quốc tế: 2 tín chỉ**

Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hoá quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia trong lĩnh vực thương mại hàng hoá quốc tế. Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về thương mại hàng hoá quốc tế, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích,

đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực thương mại hàng hoá quốc tế.

### **93. Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách: 2 tín chỉ**

Môn học “*Kinh doanh với Hoa Kỳ: Pháp luật và chính sách*” nghiên cứu chủ yếu về pháp luật và chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ, từ đó giúp cho người học có cái nhìn khái quát về môi trường kinh doanh ở Hoa Kỳ - một trong những đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Đồng thời, sinh viên sẽ tích lũy được kiến thức, đảm bảo chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân Ngành luật Thương mại quốc tế. Thông qua môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức: Tổng quan về môi trường kinh doanh ở Hoa Kỳ; Chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; Pháp luật thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; Cơ chế hoạch định và thực thi chính sách thương mại quốc tế của Hoa Kỳ; Chính sách thương mại của Hoa Kỳ đối với một số đối tác.

### **94. Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế: 2 tín chỉ**

Pháp luật về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia và hoạt động thương mại của các thương nhân trong lĩnh vực thương mại dịch vụ quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế. Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời học phần cũng giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực thương mại dịch vụ quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế. Nội dung học phần được tóm tắt như sau: 1) Những vấn đề chung về quảng cáo, hội chợ triển lãm quốc tế và pháp luật về quảng cáo, hội chợ triển lãm quốc tế; 2) Các qui định cơ bản của WTO điều chỉnh lĩnh vực thương mại dịch vụ quảng cáo và hội chợ triển lãm; 3) Các qui định cơ bản trong khuôn khổ ASEAN điều chỉnh lĩnh vực thương mại dịch vụ quảng cáo và hội chợ triển lãm; 4) Các qui định cơ bản trong Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ điều chỉnh lĩnh vực thương mại dịch vụ quảng cáo và hội chợ triển lãm; 5) Các qui định của pháp luật Việt Nam về quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế; 6) Hợp đồng trong lĩnh vực quảng cáo, hội chợ và triển lãm quốc tế.

## **95. Chính sách & Pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam: 2 tín chỉ**

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập quốc tế sâu và rộng, học phần *Chính sách & Pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam* cung cấp cho người học tổng quan về chính sách và pháp luật của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử để hiểu rõ môi trường kinh doanh ở Việt Nam. Theo đó, học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách và pháp luật Việt Nam trong quan hệ kinh tế quốc tế, nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu những học phần thuộc lĩnh vực pháp luật khác có liên quan đến kinh tế quốc tế trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

## **96. Pháp luật về đấu thầu: 2 tín chỉ**

Pháp luật về đấu thầu là môn khoa học nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia và hoạt động thương mại của các thương nhân trong lĩnh vực đấu thầu. Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về đấu thầu, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực đấu thầu. Nội dung học phần được tóm tắt như sau: 1) Những vấn đề lý luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu; 2) Đấu thầu mua sắm của Chính phủ và những nội dung pháp lý cơ bản của các hiệp định WTO về mua sắm Chính phủ; 3) Pháp luật Việt Nam về đấu thầu; 4) Các qui định cơ bản về đấu thầu của UNCITRAL, WB, ADB và FIDIC.

## **97. Quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại quốc tế: 2 tín chỉ**

Quyền SHTT trong hoạt động thương mại quốc tế là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về quyền SHTT trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào một lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế. Đồng thời học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động thương mại quốc tế của các doanh nghiệp liên quan đến quyền SHTT. Nội dung học phần gồm những vấn đề cơ bản sau: (1) Tổng quan về quyền SHTT trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; (2) Một số đối tượng của quyền SHTT có liên quan mật thiết tới hoạt động

thương mại quốc tế của doanh nghiệp; (3) Hợp đồng Li-xăng (Licence) trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; (4) Nhượng quyền thương mại quốc tế.